RICHARD PAUL - LINDA ELDER

CẨM NANG TƯ DUY VIẾT

HOW TO WRITE A PARAGRAPH

Nghệ thuật Viết có Thực chất



ĐÃ BÁN TRÊN 1 TRIỆU CUỐN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cẩm nang

TƯ DUY VIẾT

HOW TO WRITE A PARAGRAPH

How to Write a Paragraph - Cẩm nang Tư duy Viết
Richard Paul - Linda Elder

■

Copyright © 2005, 2007, 2012, 2013 by Richard Paul and Linda Elder
All rights reserved. *How to Write a Paragraph, Third Edition*... over one million in use.

Bản quyền © 2005, 2007, 2012, 2013 thuộc về tác giả Richard Paul và Linda Elder
Tất cả các phần đều đã được đăng ký bản quyền. *Cẩm nang Tư duy Viết*,
bản in lần thứ ba… đã có trên một triệu bản được bán ra.

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép, lưu giữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức, phương tiện truyền tải nào: điện tử, cơ học, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
Ấn phẩm này được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa The Foundation for Critical Thinking, Mỹ và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Paul, Richard

Cẩm nang Tư duy viết / Richard Paul and Linda Elder ; Nhóm dịch thuật nhà xuất bản Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh ; Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính. - T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2015.

76 tr. ; 22 cm
Nguyên bản : How to Write a Paragraph
ISBN 978-604-58-3090-1

1. Tiếng Anh -- Đoạn văn. 2. Tiếng Anh -- Tu từ học. 3. Tiếng Anh -- Viết tiếng Anh. I. Elder, Linda, 1962-. II. Bùi Văn Nam Sơn. III. Nhóm dịch thuật nhà xuất bản Tổng hợp T.P.Hồ Chí Minh. IV. Ts: How to write a paragraph.

428.2 -- ddc 23
P324

RICHARD PAUL - LINDA ELDER

Cẩm nang
TƯ DUY VIẾT
HOW TO WRITE A PARAGRAPH

Nhóm dịch thuật
NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chuyển ngữ

BÙI VĂN NAM SƠN *hiệu đính*

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mục lục

Lời giới thiệu 7

Dẫn nhập 9

LÝ THUYẾT

Tiền đề của Cẩm nang này 11

Viết có Mục đích 11

Viết có Thực chất 13

Viết theo Trường phái Ấn tượng 13

Viết có phản tư 14

Viết là Bài tập cho Tâm trí 16

Cách Viết một Câu 18

Viết để Học 18

Viết có Thực chất trong các Lĩnh vực Chủ đề 19

Liên kết các Ý tưởng Cốt lõi với nhau 21

Viết Bên trong Khuôn khổ các Bộ môn 22

Hoạt động Viết 23

Đặt Câu hỏi khi Viết 24

Viết không Thực chất 25

THỰC HÀNH

Các Bài tập Viết có Thực chất 27

Diễn đạt lại 29

Các Chiến thuật của Việc làm Rõ 31

Các Mẫu Diễn đạt lại 32

Diễn đạt lại những đoạn Trích dẫn Ngắn 34

Diễn đạt lại và Làm rõ Đoạn văn bản Học thuật.....39
Cuộc Truy tầm Ý nghĩa của Con người.....40
Lịch sử về những Gia tài Kếch xù ở Mỹ.....46
Khám phá các Khái niệm Cốt lõi trong các Môn học.....51
Phân tích Lập luận.....59
Phân tích Mẫu.....66

PHỤ LỤC

Phụ lục A. Phân tích Lô gic của một bài Báo,
bài Luận hay Chương sách.....68
Phụ lục B. Đánh giá Lập luận của một Tác giả.....70
Phụ lục C. Dành cho Giảng viên
Cách dạy Học sinh, Sinh viên, Đánh giá việc Viết....72
Phụ lục D. Chức năng của các Từ nối.....75

Lời Giới thiệu

Hãy "học cách học"...

"*Apprendre à apprendre*" ("học cách học") là một khẩu hiệu nổi tiếng trong tiếng Pháp và không dễ... dịch, vì động từ "apprendre" trong tiếng Pháp dường như có cả hai nghĩa trong tiếng Anh: "to teach" và "to learn"! Không có sự tách bạch giữa "dạy" và "học", vì vị trí của chúng đôi khi có thể thay thế cho nhau, hay nói ngắn, giữa chúng có một sự "vận động". Sự vận động ấy chính là phương pháp.

Từ khi René Descartes viết quyển *"Các quy tắc hướng dẫn tư duy" (Règles pour la direction de l'esprit)* năm 1628 và *"Luận văn về Phương pháp" (Discours de la Méthode)* năm 1637, khoa học và tư duy khoa học thật sự bước vào thời hiện đại, tức, ta không còn có thể suy nghĩ và làm việc như thể không có... Descartes được nữa! Gần bốn thế kỷ đã trôi qua với biết bao sự cải tiến và tinh vi hóa về phương pháp trên mọi lĩnh vực, nhưng mục tiêu của nó không thay đổi, đúng như Kant đã nói: "Ta không thể học triết học, mà chỉ có thể học cách triết lý" hay như lời của Albert Einstein: "Giá trị của một nền giáo dục (...)

không phải là dạy và học được nhiều sự kiện mà là đào luyện cho tinh thần biết tư duy…".

"*The Foundation for Critical Thinking*" (Quỹ Tư duy Phản biện) là một tổ chức học thuật, cung cấp nhiều "cẩm nang" về tư duy khoa học được biên soạn chặt chẽ, chắt lọc, ngắn gọn và thiết thực, đúc kết nhiều thành tựu về phương pháp trên "mẫu số chung" là khuyến khích tư duy phân tích và phản biện, cùng với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, học tập và nghiên cứu một cách có thực chất, có chiều sâu và dễ dàng áp dụng vào cuộc sống.

Bộ sách CẨM NANG TƯ DUY này dành cho mọi độc giả, từ học sinh, sinh viên đến các giảng viên, các nhà nghiên cứu, doanh nhân, người đã đi làm cũng như quý phụ huynh… muốn nâng cao năng lực tư duy của mình. Học sinh, sinh viên có thể đọc cẩm nang như tài liệu tham khảo để học tốt các bộ môn; quý phụ huynh có thể sử dụng cẩm nang để vừa nâng cao năng lực tư duy của mình vừa giúp con em mình phát triển các kỹ năng tư duy cần thiết để học tốt; các giảng viên, nhà nghiên cứu có thể sử dụng cẩm nang để xây dựng tốt các chủ đề của mình; người đã đi làm, doanh nhân… có thể áp dụng các kỹ năng, ý tưởng của cẩm nang vào công việc và cuộc sống.

Rất hoan nghênh và biết ơn Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã dịch và xuất bản bộ sách quý này đến bạn đọc Việt Nam.

BÙI VĂN NAM SƠN

Dẫn nhập

Hầu hết mọi người đều nhận thấy viết là "một trong những kỹ năng quan trọng nhất đối với một người học". Song, rất ít người nhận ra rằng viết cũng là chìa khóa để lĩnh hội nội dung, tức: "cơ chế mà qua đó người học học cách kết nối các điểm kiến thức của mình". Và càng ít người biết rằng đối với việc học, sinh viên, học sinh "phải đánh vật với các chi tiết, vật lộn với các dữ kiện, tái dựng các thông tin thô và những khái niệm được hiểu một cách sơ sài thành ngôn ngữ mà họ có thể truyền tải cho người khác". Nói cách khác, "nếu muốn học, người học phải viết". Tất cả những điều này đều được nhấn mạnh trong báo cáo của Ủy ban Quốc gia về hoạt động viết trong các trường đại học và cao đẳng Mỹ (*New York Times*, 25/4/2003). Theo báo cáo này, việc viết "hiện đang bị bỏ bê một cách đáng tiếc trong hầu hết các trường học ở Mỹ". Bài viết trên tờ *New York Times* trên cũng cho biết, "một nghiên cứu được tiến hành trên các sinh viên đại học ở California năm 2002 phát hiện thấy hầu hết các sinh viên năm nhất không thể phân tích các luận điểm, tổng hợp thông tin, hay viết bài luận mà không mắc lỗi ngôn ngữ."

Sinh viên, học sinh ngày nay viết kém không phải vì không có khả năng học viết cho tốt, mà vì các bạn không được dạy các nền tảng để viết một cách có thực

chất. Các bạn không chỉ thiếu kỷ luật trí tuệ, mà còn thiếu các chiến lược cải thiện kỹ năng viết của mình. Điều này một mặt là vì chính người dạy cũng thiếu một lý thuyết rõ ràng về mối quan hệ giữa viết và học, mặt khác là vì người dạy e mất quá nhiều thời gian để chấm điểm các bài viết.

Nếu hiểu được những khái niệm cơ bản nhất trong tư duy phản biện, ta có thể có các cơ sở để đưa ra giải pháp giải quyết được cả hai vấn đề:

(1) Một lý thuyết nối kết tư duy và việc viết có thực chất (substantive writing) với việc sở đắc kiến thức, và

(2) Hiểu cách đưa ra các bài tập viết mà không cần đến sự phản hồi một-một giữa người dạy và người học.

Quyển cẩm nang này kết hợp và củng cố những nội dung đã được trình bày trong các cẩm nang quan trọng khác trong bộ sách CẨM NANG TƯ DUY, nhất là *Cẩm nang Tư duy Đọc* và *Cẩm nang Tư duy Phân tích*. Cả ba cẩm nang ấy đều đưa ra những kỹ thuật giúp người học học tốt hơn và nâng cao khả năng truyền đạt một cách rõ ràng và lô gic những điều đã và đang học.

Việc phát triển năng lực viết, cũng như tất cả các năng lực trí tuệ khác, chỉ có thể đạt được khi ta có lý thuyết tốt và luyện tập thường xuyên. Khi hiểu mối quan hệ giữa học và viết, cũng như đều đặn luyện viết bằng cách sử dụng các công cụ tư duy phản biện, người học có thể lĩnh hội nội dung ở tầng sâu hơn, và dần dà sẽ cải thiện được năng lực truyền đạt những ý tưởng quan trọng.

Lý thuyết

Tiền đề của Cẩm nang này

Việc viết có ý nghĩa thiết yếu đối với việc học. Một người không thể gọi là học khi không thể truyền tải các ý tưởng của mình thành văn bản viết. Tuy nhiên, việc học viết chỉ có thể diễn ra thông qua một quá trình trau dồi đòi hỏi phải có kỷ luật trí tuệ. Cũng như với bất kỳ nhóm kỹ năng phức tạp nào, kỹ năng viết cũng có những yếu tố cơ bản cần phải được nhập tâm, sau đó được ứng dụng bằng chính tư duy của người học. Quyển cẩm nang này tập trung vào những yếu tố quan trọng nhất trong các yếu tố cơ bản nói trên.

Viết có Mục đích

Người viết có kỹ năng sẽ không viết một cách mù quáng, mà viết có mục đích. Họ có một chương trình làm việc cụ thể, một mục đích, hay một mục tiêu cần đạt đến. Mục đích của họ, cùng với tính chất của điều mà họ đang viết (và hoàn cảnh của họ) sẽ quyết định cách họ viết. Họ sẽ viết theo những cách khác nhau trong những tình huống khác nhau và vì những mục đích khác nhau. Tuy vậy, viết cũng có một mục đích mang tính gần như phổ quát, đó là *nói ra điều đáng nói về những điều đáng nói*.

Nhìn chung, khi viết, ta chuyển dịch những ý nghĩa bên trong (nội tâm) thành những từ ngữ công cộng. Ta biến các ý tưởng và kinh nghiệm của mình thành văn bản viết. Việc chuyển dịch chính xác những ý nghĩa có chủ định thành ngôn ngữ viết là một nhóm hành động mang tính phân tích, đánh

giá và sáng tạo. Tiếc thay, rất ít người thông thạo việc chuyển dịch này. Rất ít người có khả năng lựa chọn và kết hợp các từ ngữ mà khi phối hợp với nhau có thể chuyển tải một ý nghĩa chủ định nào đó đến một nhóm đối tượng độc giả.

Tất nhiên, nếu chúng ta viết thuần túy vì vui thích và như một trò tiêu khiển cá nhân, thì việc người khác có hiểu điều chúng ta viết hay không có lẽ không quan trọng mấy. Có lẽ ta chỉ đơn giản là hứng thú với hoạt động viết lách. Điều đó chẳng hề gì miễn là ta biết bài viết của mình chỉ dành riêng cho ta mà thôi.

Trong nhiều kiểu mục đích viết khác nhau, có thể kể ra những mục đích sau đây:

- Thuần túy vì niềm vui
- Để trình bày một ý kiến đơn giản
- Để truyền tải một thông tin chuyên môn cụ thể
- Để thuyết phục độc giả tiếp nhận một lập trường hoặc một lập luận quan trọng
- Để thách thức, buộc độc giả phải xem xét một cái nhìn mới
- Để trình bày những điều chúng ta đang (hoặc đã) học ở một môn học

Mọi người thường viết để theo đuổi những kế hoạch làm việc đa dạng và cụ thể. Hãy thử xem xét mục đích viết sẽ khác biệt như thế nào đối với những người viết dưới đây:

- Một cố vấn truyền thông viết diễn văn cho một chiến dịch chính trị
- Một biên tập viên báo chí quyết định cách biên tập một câu chuyện để duy trì sự quan tâm của độc giả
- Một chuyên gia tư vấn truyền thông viết bài quảng cáo

- Một nhà hóa học viết báo cáo thí nghiệm
- Một tiểu thuyết gia viết tiểu thuyết
- Một nhà thơ viết thơ
- Một sinh viên viết bài nghiên cứu

Rõ ràng, mục đích viết của một người có ảnh hưởng đến những kỹ năng viết mà người đó cần và sử dụng. Tuy nhiên, có một số kỹ năng viết cơ bản mà tất cả chúng ta đều cần nếu ta muốn phát triển nghệ thuật *nói ra điều đáng nói về những điều đáng nói*. Chúng tôi gọi đó là kỹ năng viết có thực chất. Và học nghệ thuật viết có thực chất có nhiều tác động quan trọng đến quá trình phát triển của ta xét như một nhà tư tưởng. Chẳng hạn, nó quan trọng đối với quá trình học cách học và cũng quan trọng đối với quá trình tự hiểu mình. Nó có thể giúp ta có được những hiểu biết sâu sắc về bản thân cũng như hiểu biết sâu sắc về nhiều kích thước trong đời sống của mình.

Viết có Thực chất

Để học cách viết ra những điều đáng đọc, ta phải nghiền ngẫm hai câu hỏi sau: "Tôi có chủ đề hoặc ý tưởng đáng để viết không?" và "Tôi có điều gì đó quan trọng để nói ra không?"

Sau khi nhận ra những mục đích khác nhau có thể có, ta cũng cần nhận ra rằng có những công cụ và kỹ năng viết cốt lõi để viết về bất kỳ điều gì mang tính thực chất, để nhắm mục tiêu vào những ý niệm có chiều sâu và quan trọng. Những công cụ và kỹ năng này sẽ là trọng tâm của cẩm nang này.

Viết theo Trường phái Ấn tượng

Tư duy theo trường phái ấn tượng sẽ chạy theo các liên tưởng, lang thang từ đoạn văn này qua đoạn văn khác,

không vạch ra những sự phân biệt rõ ràng trong tư duy cũng như việc viết của mình từ thời điểm này đến thời điểm khác. Vì tản mát nên người tư duy theo trường phái ấn tượng cũng tản mát trong cả nội dung mình viết. Do thiếu óc phê phán, người tư duy theo trường phái ấn tượng giả định góc nhìn của cá nhân mình là sâu sắc và đã được biện minh, vì vậy không cần biện minh gì khi đối chiếu với các góc nhìn khác. Vì tự huyễn hoặc mình, người tư duy theo trường phái ấn tượng không thấy được bản thân mình là vô kỷ luật. Vì cứng nhắc, người tư duy theo trường phái ấn tượng không học được gì từ những gì mình đọc, viết hay trải nghiệm.

Bất kỳ kiến thức nào mà người tư duy theo trường phái ấn tượng tiếp nhận cũng đều bị trộn lẫn với các định kiến, thành kiến, huyền thoại và lặp khuôn một cách không phê phán. Người theo trường phái này thiếu nhận thức sâu về tầm quan trọng của việc hiểu được cách tâm trí tạo ra ý nghĩ và các cách mà tinh thần có phản tư kiểm soát cũng như đánh giá những gì họ viết. Để đưa việc viết của mình vào kỷ luật, ta phải vượt ra khỏi tư duy theo trường phái ấn tượng.

Viết có Phản tư

Không giống như người tư duy theo trường phái ấn tượng, người có óc phản tư tìm kiếm ý nghĩa, kiểm soát những gì mình viết, phân định rạch ròi giữa cách tư duy của mình và tư duy của độc giả. Vì có mục đích, người có óc phản tư điều chỉnh bài viết của mình theo những mục tiêu cụ thể. Vì biết tích hợp, người có óc phản tư biết liên kết các ý tưởng mà mình đang viết với những ý tưởng mình đã thông thạo. Vì biết phê phán, người có óc phản tư đánh giá sự rõ ràng, sự đúng đắn, sự chính xác, tính liên quan,

chiều sâu, chiều rộng, tính lô gic, ý nghĩa và sự công bằng trong những gì mình viết. Vì cởi mở với những lối tư duy mới, người có óc phản tư trân trọng những ý tưởng mới và học hỏi từ những điều mình viết.

Người có óc phản tư cải thiện tư duy của bản thân bằng việc tư duy (có phản tư) về nó. Tương tự, người có óc phản tư cũng cải thiện được năng lực viết của mình qua việc tư duy (có phản tư) về việc viết. Người có óc phản tư trở đi trở lại giữa viết và tư duy về cách thức mình đang viết. Họ tiến lên một chút, rồi tự vòng trở lại để kiểm tra những thao tác của riêng mình. Họ tự kiểm tra đường đi của mình, tạo nền tảng vững chắc cho mình, vượt lên trên bản thân và bắt đầu thực hành cái nhìn bao quát. Điều này cũng đúng với người có óc phản tư khi viết - đọc, nghe, hoặc ra quyết định.

Nền tảng để có được năng lực này là hiểu được cách tâm trí chúng ta hoạt động ra sao khi viết tốt. Chẳng hạn, nếu biết (hoặc nhận ra) những gì đang viết là khó hiểu đối với người khác, tôi sẽ chú tâm giải thích mỗi câu quan trọng một cách thấu đáo hơn và đưa nhiều ví dụ cũng như hình ảnh minh họa hơn. Tôi sẽ nhìn những gì mình đang viết từ góc nhìn của người đọc.

Người có óc phản tư tạo ra một cuộc đối thoại nội tâm, đánh giá những gì mà mình đang viết trong chính quá trình ấy:

- Tôi đã phát biểu luận điểm chính của mình một cách rõ ràng chưa?
- Tôi đã giải thích luận điểm chính của mình một cách đầy đủ chưa?
- Tôi đã cung cấp cho độc giả của mình những ví dụ từ kinh nghiệm của bản thân để giúp họ kết nối các ý niệm quan trọng với kinh nghiệm của họ chưa?
- Tôi đã đưa vào bài viết những hình ảnh ẩn dụ hoặc so sánh giúp minh họa cho độc giả thấy rõ điều mà tôi đang trình bày chưa?

Nếu nhận thấy đối tượng độc giả tiềm năng có thể sẽ không cảm thông với quan điểm của mình, tôi sẽ cố gắng giúp họ kết nối những niềm tin chính yếu của họ với những niềm tin chính yếu trong quan điểm của tôi. Tôi cố gắng đặt mình vào vị trí của họ, với niềm tin và góc nhìn của họ. Tôi cho họ thấy tôi hiểu góc nhìn của họ.

Viết là Bài tập cho Tâm trí

Bạn có một tâm trí, nhưng liệu bạn đã biết cách phát triển tâm trí ấy chưa? Bạn có ý thức được những thành kiến và định kiến chính yếu trong đầu mình? Bạn ý thức được tư duy của mình đang bắt chước tư duy của những người xung quanh bạn ở mức độ nào không? Bạn có ý thức được mức độ tư duy mà chúng ta chịu ảnh hưởng bởi tư duy của nền văn hóa mà bạn đang sống không?

Khi viết về những ý tưởng của người khác, bạn có thể học được cách thâm nhập vào trí óc họ và trân trọng những góc nhìn mới. Để có thể đi đến chỗ đồng ý với suy nghĩ của người khác, bạn phải khai phá tâm trí của riêng mình, cả điểm mạnh lẫn điểm yếu. Để viết ra những tư tưởng mà tâm trí đang suy tưởng, bạn phải học cách tư duy ở cấp độ hai - tức là, làm sao tư duy về tư duy của mình trong khi bạn đang tư duy từ bên ngoài tư duy ấy. Nhưng làm thế nào chúng ta có thể ở ngoài tư duy của mình?

Để làm được việc này, trước hết, bạn phải hiểu rằng mọi tư duy đều có tám cấu trúc cơ bản. Mỗi khi tư duy, ta đều tư duy vì một mục đích ở bên trong một góc nhìn cụ thể dựa trên những giả định vốn sẽ dẫn tới những hàm ý và hệ quả khác nhau. Chúng ta sử dụng các khái niệm, ý niệm, lý thuyết để diễn giải dữ kiện, sự kiện thực tế và các trải nghiệm để trả lời các câu hỏi, giải quyết các khó khăn, và xử lý các vấn đề.

Khi nắm được tám thành tố lập luận cơ bản này, ta sẽ có trong tay những công cụ trí tuệ mạnh mẽ cho phép ta tư duy ở cấp cao hơn. Ta sẽ biết rằng bất cứ khi nào có ai đó lập luận về bất kỳ vấn đề gì, những thành tố này đã nằm sẵn trong tư duy của họ. Vì vậy, khi viết, bạn sẽ không tránh khỏi việc viết có mục đích, tạo ra các suy luận và tư duy ở bên trong một góc nhìn cụ thể. Đồng thời, độc giả của bạn cũng có một góc nhìn riêng. Họ cũng có các mục đích, câu hỏi, giả định và niềm tin của riêng họ. Càng hiểu góc nhìn của độc giả, bạn sẽ càng hiểu rõ làm thế nào để giải thích lập luận của mình cho họ hiểu. Càng hiểu rõ hệ thống tư duy của người khác, bạn sẽ càng hiểu rõ hệ thống tư duy của mình.

Như vậy, tư duy:

- Đặt ra các mục đích
- Nêu ra các câu hỏi
- Sử dụng các thông tin
- Sử dụng các khái niệm
- Tạo ra các suy luận
- Đưa ra các giả định
- Làm phát sinh các hàm ý
- Chứa đựng một góc nhìn



Khi có thể xét đi xét lại một cách hiệu quả giữa những gì đang viết và những gì muốn bài viết đạt được, ta sẽ nối kết những gì mà ta tư duy với những gì mà ta viết, và nối kết những gì ta viết với những gì ta tư duy. Chúng ta sẽ thay đổi việc viết khi, nhờ tư duy của mình, ta nhận ra rằng ta cần phải cải thiện - và tại sao cần phải cải thiện.

Cách Viết một Câu

Trong một bài viết, mỗi câu đều phải đứng trong mối quan hệ rõ ràng với những câu khác. Mỗi câu, và thực tế là mỗi từ trong tất cả các câu, đều phải chống đỡ cho mục đích của bài viết.

Một phần quan trọng của việc viết có kỷ luật là nối kết các câu với ngữ cảnh rộng hơn mà chúng được đặt vào, để xem chúng hòa hợp như thế nào bên trong một tổng thể. Với mỗi câu viết ra, ta có thể đặt câu hỏi:

- Câu này liên kết với các câu khác trong đoạn văn như thế nào?
- Câu này liên kết với ý tưởng tổ chức của toàn bài ra sao?

Viết để Học

Mọi thứ chúng ta viết ra đều là một trải nghiệm học hỏi tiềm năng. Viết là một quá trình có tính hệ thống để học những ý nghĩa cốt yếu. Khi viết để trở thành người viết tốt, thì ngay vào lúc giảng giải cho người khác hiểu qua việc viết ấy, chính ta cũng đang tự học. Thực tế, tự học bằng cách viết là một trong những chiến lược học tập hiệu quả nhất. Khi tiếp thu những ý niệm cốt lõi, những ý niệm bản chất vào đầu óc của mình bằng cách trình bày chúng trên giấy, chúng sẽ trở thành những ý niệm mà ta có thể sử dụng hiệu quả trong cuộc sống.

Đồng thời, để học tốt, ta cũng phải viết tốt. Chúng ta học cách viết tốt không phải bằng cách viết nhiều mà dở, mà là viết ít mà chất lượng. Vài điều mà chúng ta cần viết tốt là những mẩu, những đoạn văn và bài viết có thực chất vốn chứa đựng những ý niệm, chi tiết quan trọng vốn đặt căn cơ cho tư duy của ta trong những ý niệm đầy sức mạnh.

Một người có thể tự học hoàn toàn chỉ bằng cách viết, nếu người đó có những kỹ năng trí tuệ để thông hiểu những văn bản quan trọng, thâm nhập những quan điểm trái chiều, nhập tâm được những ý tưởng đã học, và áp dụng những ý tưởng đó vào cuộc sống của mình. Nói khác đi, người ta sẽ không thể có học vấn nếu không bền bỉ học tập bằng cách viết. Tại sao vậy? Vì học vấn là một quá trình suốt đời, vốn bắt đầu tốt nhất ở trường học. Nếu không liên tục hội nhập những ý tưởng mới vào những ý tưởng đã định hình trong tư duy của mình, các ý tưởng của chúng ta sẽ trở nên trì trệ và cứng nhắc.

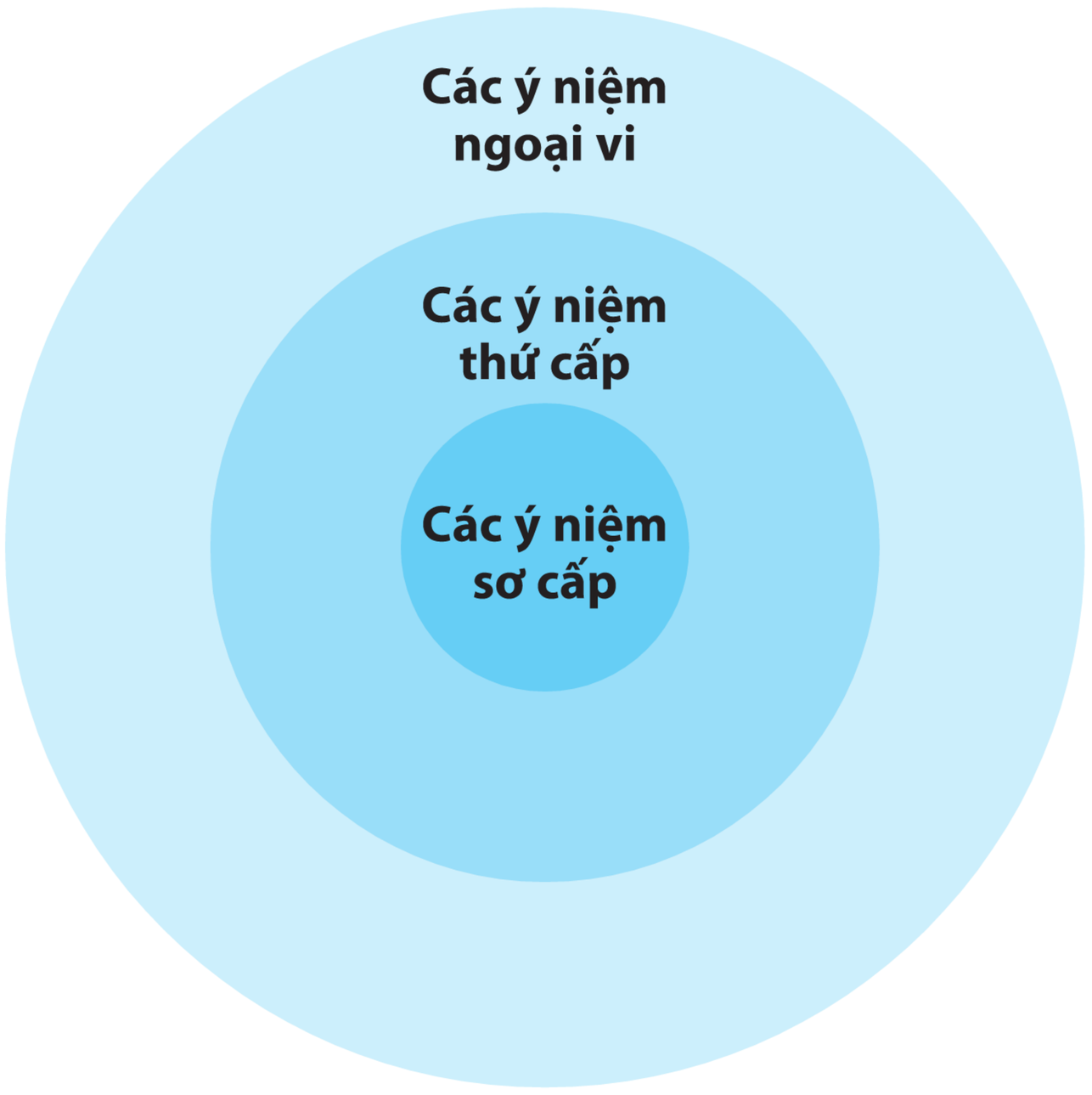
Viết có Thực chất trong các Lĩnh vực Chủ đề

Để có được kiến thức, ta phải kiến tạo nó trong đầu óc của mình. Viết ra những gì mà bản thân đang cố gắng lĩnh hội sẽ giúp ta đạt được mục đích đó. Khi có thể tạo ra các liên kết trong bài viết, những liên kết đó sẽ bắt đầu trở thành của chúng ta. Để làm được việc này, ta phải học cách xác định những ý tưởng cốt lõi trong những quyển sách mà ta đã đọc, rồi giải thích những ý tưởng đó, cùng với vai trò của chúng trong các chủ đề mà chúng ta nghiên cứu bằng cách viết.

Mọi kiến thức đều tồn tại bên trong một hệ thống các nghĩa, với các ý niệm sơ cấp, thứ cấp và ngoại vi có liên quan chặt chẽ với nhau. Hãy hình dung một loạt các vòng tròn bắt đầu bằng một vòng tròn nhỏ, nằm ở lõi, gồm các ý niệm sơ cấp, bao quanh là các vòng tròn đồng tâm gồm các ý niệm thứ cấp, tỏa ra đến vòng tròn ngoài cùng chứa các ý niệm ngoại vi. Các ý niệm sơ cấp nằm ở trung tâm giải thích cho các ý niệm thứ cấp và ngoại vi. Mỗi khi đọc để tích lũy kiến thức, ta phải viết để sở hữu chúng, trước hết là các ý niệm sơ cấp, vì chúng là chìa khóa để hiểu tất cả

các ý niệm khác. Ngoài ra, cũng giống như khi phải viết để có được hiểu biết ban đầu về những ý niệm sơ cấp, ta cũng phải viết để bắt đầu tư duy ở bên trong hệ thống đó xét như một tổng thể và liên kết các ý niệm với nhau. Càng sớm bắt đầu tư duy, và qua đó là bắt đầu viết bao nhiêu, thì hệ thống đó càng nhanh chóng trở nên có nghĩa với ta bấy nhiêu.

Vì vậy, khi thông suốt được các ý niệm lịch sử cốt lõi, ta sẽ bắt đầu tư duy và viết một cách lịch sử. Khi nắm bắt được các ý niệm khoa học cốt lõi, ta sẽ bắt đầu tư duy và viết một cách khoa học. Những ý niệm cốt lõi hay sơ cấp là chìa khóa để đi vào mọi hệ thống tri thức. Chúng là chìa khóa để học bất kỳ một môn học nào. Chúng là chìa khóa để lưu giữ những gì chúng ta đã học và áp dụng chúng vào các vấn đề của cuộc sống. Nếu ta không viết về các ý niệm này, chúng sẽ không bao giờ bắt rễ hoàn toàn vào tâm trí chúng ta. Bằng việc tìm kiếm và lĩnh hội những ý niệm này, ta sẽ mở rộng gấp bội những chủ đề quan trọng mà ta có thể viết, cũng như những điều quan trọng mà ta có thể nói.



Ý chính:
Viết về các ý niệm sơ cấp và thứ cấp trong một môn học là chìa khóa để hiểu môn học đó.

Liên kết các Ý tưởng Cốt lõi với nhau

Ta phải dùng việc viết để liên kết các ý tưởng cốt lõi đã học trong môn học hoặc lĩnh vực này với những ý tưởng cốt lõi trong các hệ thống kiến thức khác, vì kiến thức không chỉ tồn tại trong một hệ thống, mà còn trong mối quan hệ với tất cả các hệ thống kiến thức khác.

Làm chủ bất kỳ nhóm ý tưởng nền tảng nào cũng sẽ làm cho việc học các ý tưởng nền tảng khác trở nên dễ dàng hơn. Học cách tư duy bên trong một hệ thống kiến thức sẽ giúp ta học các hệ thống kiến thức khác. Và việc viết có ý nghĩa trọng yếu trong quá trình này.

Chẳng hạn, nếu trong thực vật học, ta biết rằng tất cả thực vật đều có tế bào, thì ta cần liên kết ý tưởng này với sự kiện thực tế là mọi động vật đều có tế bào (đây là điều chúng ta đã học trong môn sinh vật học). Khi đó, ta có thể bắt đầu xem xét những điểm giống và khác nhau giữa các loại tế bào động vật và thực vật, đồng thời nhận ra được một ý tưởng nền tảng, đúng với cả thực vật học và sinh vật học. Hoặc, hãy thử xem mối liên hệ giữa tâm lý học và xã hội học. Tâm lý học tập trung vào hành vi cá nhân trong khi xã hội học tập trung vào hành vi nhóm. Tuy nhiên, tâm lý cá nhân của con người lại ảnh hưởng đến cách họ hiểu các quy tắc nhóm, và các nhóm xã hội định hình cách thức cá nhân ứng phó những khó khăn cũng như cơ hội mà họ nhận thấy trong cuộc sống. Bằng cách viết ra các ý tưởng cốt lõi của hai môn học này, ta sẽ hiểu rõ hơn cả hai lĩnh vực, và qua đó có thể áp dụng kiến thức của mình một cách hiệu quả hơn vào thực tế (nơi mà tâm lý học và xã hội học có mối quan hệ qua lại chặt chẽ).

Viết Bên trong Khuôn khổ các Bộ môn

Như đã trình bày, để viết bên trong khuôn khổ các bộ môn, ta phải thừa nhận rằng trên thực tế, tất cả các môn học đều là các hệ thống tư tưởng. Thực chất, chúng thường là những hệ thống của các hệ thống. Vì vậy, tư duy khoa học tạo thành một hệ thống tư tưởng ở quy mô lớn (ngược với các hệ thống khác, như tư duy đạo đức). Là một hệ thống ở quy mô lớn, khoa học cũng chứa đựng trong nó các hệ thống con (vật lý, hóa học, sinh vật học, sinh lý học, v.v..). Vì vậy, khoa học là một hệ thống của các hệ thống.

Tuy nhiên, không như khoa học - lĩnh vực mà mọi người đồng ý với nhau về hầu hết những nguyên lý cơ bản nhất, mang tính hướng đạo cho tư duy khoa học, một số hệ thống của các hệ thống lại thiếu sự đồng thuận ngay cả nơi những giả định cơ bản nhất của chúng. Chẳng hạn, các môn học triết học, tâm lý học và kinh tế học là những hệ thống của các hệ thống mâu thuẫn nhau. Ngược với khoa học (trong đó tất cả các hệ thống vận hành cùng nhau), các hệ thống triết học, tâm lý học và kinh tế học cạnh tranh nhau để giành vị trí thống lĩnh. Mỗi môn học này đều chứa đựng những trường phái tư tưởng xung đột, mâu thuẫn với nhau theo những cách thức quan trọng.

Để trở thành một người viết hiệu quả trong khuôn khổ các bộ môn, ta phải học cách nhận diện (ở bất kỳ môn học nào) xem môn học đó được hiểu đúng nhất là một hệ thống của các hệ thống bổ trợ nhau (như toán học và khoa học) hay là một hệ thống của các hệ thống cạnh tranh (như triết học, tâm lý học và kinh tế học). Nếu tư duy trong khuôn khổ một môn học có mối quan hệ hài hòa giữa các hệ thống, nhiệm vụ của ta là nắm được cách thức mà các hệ thống ấy bổ trợ cho nhau. Nếu tư duy trong khuôn khổ một môn học

có sự xung đột giữa các hệ thống, nhiệm vụ của ta là hiểu được cách thức và lý do tại sao các hệ thống trong đó lại xung đột nhau. Lẽ tất nhiên, khi nhìn ra được các hệ thống xung đột phân tách nhau như thế nào, ta cũng có thể thấy được chúng chồng lấn nhau ra sao. Sự xung khắc giữa các hệ thống tư duy, nếu có, hiếm khi là toàn bộ và tuyệt đối.

Để kiểm tra kiến thức của mình về bất kỳ hệ thống tư tưởng nào, ta phải có khả năng phát biểu, trình bày, cho ví dụ và minh họa khái niệm nền tảng bên trong hệ thống ấy. Ví dụ, nếu nghiên cứu khoa học, chí ít ta phải có khả năng viết ra được hiểu biết của mình về khoa học ấy theo một cách sẽ thỏa mãn các nhà khoa học. Nếu nghiên cứu lịch sử, hay thực tế là bất kỳ lĩnh vực nghiên cứu nào khác, ta cũng phải có khả năng làm được giống vậy. Ta cũng phải có khả năng giải thích bằng cách viết ra việc những khái niệm nền tảng giữa các bộ môn xung đột hay chồng lấn nhau như thế nào.

Hoạt động Viết

Viết là một hoạt động trí tuệ. Và hoạt động trí tuệ thì đòi hỏi sự bền bỉ sẵn sàng vượt khó. Song, quan trọng hơn thế, viết tốt đòi hỏi phải hiểu thế nào là hoạt động trí tuệ và hoạt động trí tuệ quan hệ ra sao với việc viết. Đây là điểm mà hầu hết người học không làm được. Có thể minh họa như sau: Viết ra một đoạn văn tốt giống như xây một ngôi nhà. Chúng ta cần một cái móng, và mọi thứ khác đều phải được xây trên cái móng đó. Ngôi nhà đó phải có ít nhất một lối vào, và mọi người phải thấy rõ lối vào ấy nằm ở đâu. Tầng một phải vừa với móng, còn tầng hai phải phù hợp với tầng một, và phải có một cái cầu thang cho phép ta đi từ tầng một lên tầng hai.

Xây một ngôi nhà đòi hỏi cả việc thiết kế lẫn xây dựng. Công việc nào cũng thiết yếu. Không ai trông chờ người học tự động biết cách thiết kế và xây nhà. Nhưng đôi khi ta lại dạy viết như thể mọi sinh viên đều có sẵn kiến thức về việc thiết kế và viết một đoạn văn hay một bài viết là như thế nào rồi vậy.

Đặt Câu hỏi khi Viết

Những người viết có kỹ năng sẽ xem hoạt động viết như một cuộc đối thoại chủ động đã bao gồm việc đặt câu hỏi. Họ đặt câu hỏi khi viết; đặt câu hỏi để hiểu; đặt câu hỏi để đánh giá những gì mình đang viết; đặt câu hỏi để đưa những ý tưởng quan trọng vào tư duy của mình. Sau đây là một số câu hỏi mà những người viết tốt thường đặt ra khi viết:

- Tại sao tôi lại viết cái này? Mục đích của tôi là gì? Tôi muốn độc giả khi đọc xong sẽ mang theo điều gì?
- Có phần nào mà tôi đã viết xong nhưng không hiểu rõ không? Có thể tôi đang lặp lại những gì người khác nói mà chưa suy nghĩ thật thấu đáo nghĩa của nó.
- Nếu có điều gì tôi viết chưa được rõ nghĩa, tôi có thể làm cho nó rõ ràng hoặc chính xác hơn không?
- Tôi có hiểu ý nghĩa của những từ khóa mà tôi dùng không? Hay tôi cần tra từ điển những từ này?
- Tôi có sử dụng từ nào theo cách đặc biệt hoặc bất thường không? Tôi đã giải thích ý nghĩa đặc biệt đó với người đọc chưa?
- Tôi có chắc rằng những gì tôi nói ra là chính xác không? Tôi có cần củng cố bất kỳ điều gì không?
- Tôi đã nói rõ điểm chính của mình chưa và tại sao tôi lại cho là nó quan trọng?
- Tôi có biết đoạn văn của mình trả lời cho câu hỏi gì không?
- Tôi có cần dành thêm thời gian tìm hiểu về chủ đề hay vấn đề này không? Tôi có cần thêm thông tin không?

Nếu một người cứ cố viết mà không hiểu bài viết cần gì, có thể bài viết đó sẽ nghèo nàn. Chẳng hạn, nhiều sinh viên coi viết là một hoạt động về cơ bản là thụ động. Lý thuyết viết của họ dường như là: "Cứ viết tất cả những gì đến trong đầu, từng câu từng câu một, cứ viết đủ độ dài được giao là xong."

Ngược với suy nghĩ đó, hoạt động viết có thực chất trước hết là hoạt động chọn lọc (hay xây dựng) một chủ đề đáng để viết, rồi suy nghĩ thấu đáo (hay xây dựng) thứ gì đó đáng nói về chủ đề đó. Đây là một hoạt động có tính chọn lọc cao. Có 5 hoạt động trí tuệ đòi hỏi phải phát triển thực sự trong bài viết là:

- Lựa chọn một chủ đề hoặc ý tưởng quan trọng.
- Quyết định điều quan trọng cần nói về chủ đề hay ý tưởng đó.
- Giải thích hoặc làm rõ nghĩa cơ bản.
- Xây dựng những ví dụ giúp độc giả liên kết những gì đang được nói đến với những sự kiện và kinh nghiệm trong cuộc sống của họ.
- Xây dựng ít nhất một hình ảnh so sánh và/hoặc ẩn dụ giúp người đọc liên kết những gì đang được viết với điều gì đó tương tự trong cuộc sống của họ.

Viết không Thực chất

Chúng ta có thể học viết bằng cách tập trung vào phong cách, các dạng cấu trúc câu khác nhau và các nguyên tắc tu từ mà không cần học viết có thực chất. Thường thì trong văn hóa của ta, lối viết tu từ mạnh mẽ có thể phá sản về trí tuệ. Nhiều nhà tư duy nghèo nàn về trí tuệ nhưng lại có thể viết rất tốt những câu vốn chỉ có tác dụng tu từ thuần túy.

Phụ trương đặc biệt của *New York Times* về giáo dục (ngày 4/8/2002) có mô tả một phần mới trong bài thi SAT tập trung vào "bài tập viết dài 20 phút". Gợi ý cho bài tập viết này được yêu cầu như sau: "Luôn phải có một chữ tuy nhiên". Người ta có thể yêu cầu hợp lý một người viết về chủ đề này bằng gợi ý rằng: "Luôn có một chữ luôn!". Hay "Không bao giờ có chữ không bao giờ!". Những gợi ý viết như thế giống như những vết mực trí tuệ của Rorschach (được dùng trong trắc nghiệm để đánh giá tính hướng nội và hướng ngoại của Roschach). Chúng không xác định một nhiệm vụ trí tuệ cụ thể. Không có vấn đề nào để lập luận. Vì vậy, người viết được khuyến khích sử dụng các phương tiện tu từ và trau chuốt phong cách để chẳng nói về cái gì mà cứ như là đang nói về cái gì đó, chứ không sử dụng kiến thức có lập luận theo đúng nghĩa của nó.

Viết có thực chất đòi hỏi người viết phải bắt đầu bằng một nhiệm vụ quan trọng được xác định rõ về mặt trí tuệ. Việc viết này có thể được đánh giá bằng sự rõ ràng, sự đúng đắn, sự chính xác, tính liên quan, chiều sâu, chiều rộng, tính lô gic, ý nghĩa, và công bằng (thay vì phong cách tu từ cầu kỳ). Viết có thực chất cho phép tác giả nắm được những ý niệm đáng để hiểu. Có nhiều cách để thiết kế một bài tập viết như vậy. Chúng tôi sẽ đưa ra một số lựa chọn cơ bản làm ví dụ trong phần tiếp theo.

Thực hành

Các Bài tập Viết có Thực chất

Giờ thì chúng ta đã biết đôi điều về lý thuyết viết có thực chất. Trong phần tiếp sau đây, các bạn sẽ được giới thiệu những chiến lược thực hành viết có thực chất. Mỗi hình thức thực hành sẽ giúp bạn viết có thực chất hơn: xác định chủ đề đáng viết, nói ra điều đáng nói về chủ đề đó, và nói những gì cần nói một cách rõ ràng và chính xác. Viết có thực chất đòi hỏi người viết phải biết mình bắt đầu từ đâu, mình sẽ đi đâu và làm sao để đến được đó.

Nền tảng của việc viết có thực chất dựa trên các nguyên tắc và khái niệm nền tảng của tư duy phản biện - chẳng hạn, về các yếu tố và các chuẩn tư duy. Các yếu tố tư duy cho phép ta chia nhỏ tư duy thành những bộ phận cấu thành (mục đích, câu hỏi, thông tin, suy luận, khái niệm, giả định, hàm ý, góc nhìn). Các chuẩn tư duy cho phép ta đánh giá tư duy (về sự rõ ràng, sự chính xác, sự đúng đắn, tính liên quan, chiều sâu, chiều rộng, lô gic, ý nghĩa, công bằng). Biết cách phân tích và đánh giá tư duy là điều kiện cần để viết có thực chất. Các quá trình tư duy phản biện này sẽ được sử dụng trong hai dạng bài tập được trình bày ở cuối phần này.

Để giới thiệu các ví dụ về tư duy học thuật, chúng tôi đã nhận diện và đưa vào phần này một số văn bản và câu trích dẫn kinh điển. Chúng tôi sẽ lấy chúng làm "ván nhún" để giúp các bạn viết có thực chất. Nếu một người có thể đọc

một văn bản học thuật và trình bày ý nghĩa cốt lõi của văn bản đó dưới dạng viết (bằng tư duy và ngôn từ của riêng mình), thì người đó đã bắt đầu quá trình viết có thực chất rồi đấy.

Hầu hết các bài tập trong phần này đều đòi hỏi sử dụng chiến lược tư duy phản biện nổi bật nhất để đảm bảo sự rõ ràng - để trình bày, làm rõ, cho ví dụ và minh họa một ý tưởng. Những bước cốt yếu trước nhất khi học viết có thực chất là: (1) tìm một chủ đề đáng để viết, (2) khám phá điều quan trọng để nói về chủ đề đó, và (3) tự trình bày một cách rõ ràng và chính xác. Để tư duy tốt, chí ít ta phải tư duy một cách rõ ràng. Tư duy rối rắm và lung tung không bao giờ là cơ sở cho kiến thức cũng như hiểu biết.

Diễn đạt lại - tức sử dụng ngôn từ của riêng mình - để viết lại ý của một câu hoặc một đoạn văn bản là trọng tâm của điều mà chúng tôi hướng tới. Khi có thể trình bày những điều mà các bộ óc vĩ đại từng suy tưởng, ta có thể suy tưởng về những điều mà những bộ óc vĩ đại đó đã tư duy. Phân tích và đánh giá là một bước nối tiếp hợp lô gic sau việc diễn giải.

Trong cẩm nang này, chúng tôi sẽ đưa ra nhiều mẫu thực hành khác nhau. Sẽ có những bài tập đơn giản hơn những bài còn lại. Nếu bạn thấy bài nào quá khó, hãy bỏ qua và làm những bài khác, rồi quay trở lại với những bài khó sau. Mục tiêu của chúng tôi là giúp bạn tiến dần từ các bài đơn giản đến phức tạp, nhưng đôi khi có người lại thấy sẽ đơn giản hơn khi đi từ phức tạp xuống đơn giản.

Do khuôn khổ hạn hẹp của cẩm nang, chúng tôi không thể trình bày tất cả các mẫu của việc viết có thực chất. Tuy nhiên những mẫu mà chúng tôi cung cấp ở đây là các mẫu

cơ bản, và khi được thực hành thường xuyên, chúng sẽ giúp các bạn ngày càng hiểu sâu hơn về tư duy, học tập và viết một cách học thuật.

Diễn đạt lại

Theo Từ điển Anh ngữ Oxford, "diễn đạt lại" (paraphrase) là *thể hiện nghĩa của một từ, một cụm từ, một đoạn văn hay một tác phẩm bằng từ ngữ khác, thường là với mục đích trình bày đầy đủ và rõ ràng hơn*. Nếu chưa thể trình bày nghĩa của một từ, một câu hay một đoạn văn bằng ngôn từ của riêng mình thì ta vẫn chưa hiểu được từ đó, câu đó, đoạn văn đó. Chúng ta nhập tâm các ý tưởng vào tư duy của mình bằng cách "tư duy lại chúng trong tư duy của mình." Một trong những cách hay nhất để làm việc này là tập diễn đạt lại - tức trình bày hiểu biết của mình về một ý, một câu hoặc một đoạn văn bằng ngôn từ của chính mình.

Việc này nói dễ hơn làm. Để diễn đạt lại có hiệu quả một câu văn hoặc một đoạn văn học thuật, người viết phải suy ngẫm và đánh giá đúng tư tưởng học thuật ẩn đằng sau câu văn hoặc đoạn văn đó. Thiếu sự đánh giá và hiểu biết sâu sắc về tư tưởng được thể hiện trong đoạn văn gốc, ta sẽ không thể chuyển tải được đầy đủ khái niệm đó bằng những từ ngữ khác.

Tâm trí con người có thể hiểu một tư tưởng *có chiều sâu* ở nhiều cấp độ chiều sâu khác nhau. Chẳng hạn, nhiều người sẽ nói họ hiểu ý tưởng "Ít học vấn là một điều nguy hiểm," thế nhưng các thảo luận sau đó lại cho thấy họ chưa hiểu đúng giá trị của câu nói này - chẳng hạn, mọi người không thấy được nó đúng như thế nào trong đời sống của mình. Thực tế, rất ít người tập diễn đạt lại các câu văn và đoạn văn

học thuật. Càng ít người suy ngẫm về ý nghĩa của nghệ thuật diễn đạt lại. Và càng ít người hiểu được mối quan hệ cốt lõi của việc diễn đạt lại với việc học có thực chất.

Để đánh giá đúng một tác phẩm hội họa, âm nhạc, một tiểu thuyết, một bài thơ, hay bất kỳ lĩnh vực sáng tạo trí tuệ nào khác, ta phải trải nghiệm chúng ở nhiều hình thức khác nhau. Việc diễn đạt lại một cách sâu sắc một văn bản quan trọng sẽ mang lại cảm quan ban đầu về cách tư duy ý tưởng trong văn bản đó, bởi lẽ việc diễn đạt lại sẽ tái tạo ý tưởng ban đầu bằng những từ ngữ mới. Để lựa chọn từ ngữ thực hiện việc này, ta phải vật lộn với ý tưởng và những từ ngữ có thể dùng để diễn đạt lại ý tưởng đó.

Để diễn đạt lại đầy đủ một tư tưởng thâm sâu, thường thì ta cần trình bày nó dưới dạng mở rộng hơn. Đó là lý do tại sao việc diễn đạt lại một tư tưởng đôi khi lại được gọi là *tháo dỡ* tư tưởng ấy. Tư tưởng gốc rất cô đọng nên việc diễn đạt lại sẽ bóc tách và vạch ra các thành tố của nó - và vì vậy phải trình bày nó bằng *nhiều* chứ không phải *ít* từ ngữ hơn.

Ta cần hiểu rõ rằng sẽ không có hình thức diễn đạt lại nào là chính xác. Hầu hết các tư tưởng học thuật đều có thể được thể hiện bằng nhiều kiểu trình bày khác nhau - mỗi kiểu trình bày lại mang đến cho chúng ta một góc nhìn khác. Bởi lẽ đó, tập diễn đạt lại là tập nắm bắt những tư duy đang kéo căng đầu óc chúng ta, những tư duy sẽ đưa ta đi đến những tầng hiểu biết sâu hơn nữa. Trong một thế giới mà sự hời hợt được tung hô, việc luyện tập diễn đạt lại tư tưởng học thuật trong khuôn khổ một môn học quả thực rất hiếm.

Dưới đây là 4 câu hỏi mà chúng ta có thể sử dụng để đánh giá sự rõ ràng của việc viết:

1. Bạn có thể trình bày quan điểm cơ bản của mình bằng một câu đơn giản không?

2. Bạn có thể làm rõ quan điểm cơ bản của bạn một cách đầy đủ hơn không (bằng những ngôn từ khác)?

3. Bạn có thể cho tôi một ví dụ về quan điểm đó từ chính kinh nghiệm của bạn không?

4. Bạn có thể cho tôi một hình ảnh so sánh hoặc ẩn dụ để giúp tôi hiểu được ý của bạn không?

Mỗi chiến thuật của việc làm rõ ràng nói trên đều đòi hỏi một kỹ năng viết có thực chất. Bạn sẽ phát triển những khả năng này và các khả năng khác trong các bài tập viết ở phần này.

Các Chiến thuật của Việc làm Rõ

- **Khả năng phát biểu luận đề một cách rõ ràng trong một câu:** Nếu không thể phát biểu chính xác ý tưởng chính của mình trong một câu bằng từ ngữ của chính mình, ta sẽ không thật sự hiểu mình muốn nói gì.
- **Khả năng giải thích một câu luận đề một cách chi tiết hơn:** Nếu không thể làm rõ ý tưởng cốt lõi của mình, ta vẫn chưa liên hệ được ý nghĩa của ý tưởng đó với các ý tưởng khác mà ta đã hiểu.
- **Khả năng đưa ra ví dụ về điều mình đang nói đến:** Nếu không thể liên hệ những gì chúng ta vừa làm rõ với những tình huống cụ thể trong thực tế, hiểu biết của ta về ý nghĩa đó vẫn còn trừu tượng và ở một mức độ nào đó là mơ hồ.
- **Khả năng minh họa những gì chúng ta đang nói bằng ẩn dụ, so sánh, sơ đồ hoặc hình vẽ:** Nếu không thể tạo ra được các ẩn dụ, so sánh, hình vẽ hoặc sơ đồ cho ý nghĩa mà chúng ta đang xây dựng, ta vẫn chưa kết nối được những gì mình hiểu với những lĩnh vực kiến thức và trải nghiệm khác của bản thân.

Các Mẫu Diễn đạt lại

Hãy xem xét các mẫu diễn đạt lại dưới đây trước khi chúng ta đi vào diễn đạt lại một cách chi tiết hơn:

"Kẻ thụ động chấp nhận cái ác cũng tham gia vào tội ác đó như kẻ gây ra nó." - *Martin Luther King, Jr.*

→ Những người chứng kiến hành vi vô đạo đức của người khác mà không can thiệp (khi họ có khả năng can thiệp) thì cũng vô đạo đức như những kẻ gây hại lúc đầu.

"Mọi nỗ lực khuôn định phong cách Mỹ thành một khuôn mẫu đơn nhất, giới hạn nó trong một công thức duy nhất đều phản lại mọi thứ có giá trị trong phong cách Mỹ." - *Henry Steele Commager*

→ Không có một "phong cách đúng nhất" nào để là một người Mỹ. Khi tất cả mọi người ở Mỹ đều được mong đợi là sẽ tư duy bên trong khuôn khổ một hệ thống niềm tin, khi người ta bị khai trừ hoặc tẩy chay vì tư duy tự trị, khi người ta bị dán nhãn là "không Mỹ" vì có tư duy độc lập, thì cái định nghĩa chính đáng duy nhất về "người Mỹ đích thực" kia sẽ bị phá hỏng.

"Trong một xã hội tự do, ta chỉ có thể đo các tiêu chuẩn đạo đức cộng đồng bằng cách xem xét liệu hành vi cưỡng ép - tức bạo lực đối với con người hoặc tài sản - có xảy ra hay không. Không có quyền nào bị xúc phạm bằng từ ngữ, hành động hoặc biểu tượng." - *Richard E. Sincere, Jr.*

→ Đạo đức trong một xã hội tự do được xác định bởi việc liệu hành vi bạo lực với một người hoặc tài sản của người đó có xảy ra hay không. Người ta không có quyền được bảo vệ khỏi bị sốc trước phong cách sống của người khác.

"Tự do là thứ duy nhất mà ta không thể nào có được trừ khi ta sẵn lòng trao nó cho người khác." - *William Allen White*

Nếu muốn tự do, bạn phải cho phép người khác được hưởng tự do của họ.

"Tôi không hiểu tại sao mọi người lại sợ các ý tưởng mới. Tôi thì sợ những ý tưởng cũ kĩ." - *John Cage*

Nhiều ý tưởng ngấm sâu vào suy nghĩ của con người suốt nhiều năm thực ra rất có hại hoặc nguy hiểm. Ý tưởng cũ không phải lúc nào cũng là ý tưởng tốt, ý tưởng mới không phải lúc nào cũng là ý tưởng tệ hại.

Diễn đạt lại những đoạn Trích dẫn Ngắn

Một cách để diễn đạt lại các đoạn trích là bắt đầu bằng cách viết ra những suy nghĩ ban đầu của bạn. Sau đó diễn đạt lại đoạn trích sau khi xem xét dẫn giải của riêng mình. Trong phần dẫn giải của mình, hãy giải thích ý nghĩa của những gì được nói đến và những gì đang được nói ra. Nếu có một khái niệm quan trọng mang ý nghĩa trọng tâm của đoạn trích - một khái niệm như dân chủ được đưa ra trong ví dụ dưới đây - hãy suy nghĩ thấu suốt khái niệm đó trước khi diễn đạt lại.

Bài tập 1

Trong phần này chúng tôi sẽ đưa ra những đoạn trích dẫn ngắn dựa trên những kiến giải quan trọng. Chúng tôi muốn bạn diễn đạt lại từng đoạn trích dẫn. Tuy nhiên, trước hết, bạn hãy viết ra suy nghĩ ban đầu của mình. Khi diễn đạt lại, cố gắng làm rõ hơn nữa để "tháo dỡ" ý tưởng được đưa ra trong câu trích dẫn. Chúng tôi sẽ đưa ra một ví dụ, không kèm theo những suy nghĩ ban đầu.

Ví dụ

Trích dẫn: *"Dân chủ là nhân dân làm chủ".*

Có thể diễn đạt lại như sau: Dân chủ chỉ tồn tại trong chừng mực có một nền tảng rõ ràng cho sự bình đẳng về quyền lực chính trị trong dân chúng trên diện rộng. Nghĩa là, tất cả mọi người trong quốc gia đó phải có quyền lực và điểm khởi đầu tương đối bình đẳng trong việc quyết định cái gì sẽ là luật. Trên thực tế, một đất nước sẽ mất dân chủ

khi một số ít người - hoặc giàu có hoặc có thế lực - có quyền lực nhiều hơn hẳn những người khác.

Bây giờ đến lượt bạn thực hành với các câu trích dẫn sau:

Trích dẫn: *"Nếu người ta dốc sạch ví cho đầu óc mình, chẳng ai có thể lấy nó đi. Đầu tư vào tri thức luôn là khoản đầu tư sinh lợi nhất."* - **Benjamin Franklin**

Có thể diễn đạt lại như sau:

Trích dẫn: *"Phổ cập quyền đi bầu, mà không phổ cập giáo dục, sẽ là tai họa."* - **H. L. Wayland**

Có thể diễn đạt lại như sau:

Trích dẫn: *"Trường học nên nhắm đến mục đích làm sao để những người trẻ ra trường là một nhân cách hài hòa, chứ không chỉ là một chuyên gia... Sự phát triển khả năng tổng quát về tư duy và phán đoán độc lập luôn cần được đặt lên trước nhất, chứ không phải sự sở đắc những kiến thức chuyên biệt."* - **Albert Einstein**

Có thể diễn đạt lại như sau:

Trích dẫn: *"Đừng hỏi một người có học qua đại học không, hãy hỏi đại học có thẩm thấu qua được người đó không và liệu người đó có là một trường đại học di động không."* - **E. H. Chapin**

Có thể diễn đạt lại như sau:

Trong bài tập này, bạn đã diễn giải những trích dẫn quan trọng bằng cách diễn đạt lại chúng. Trong bài tập tiếp theo, bạn sẽ thực hành một phương pháp khác giúp bạn hiểu sâu các đoạn văn bản quan trọng.

Bài tập 2

Sử dụng các mẫu câu sau để mở đầu cho việc giải thích các đoạn trích bên dưới:

1. Nội dung chính của trích dẫn này là…
2. Nói cách khác…
3. Ví dụ…
4. Để bạn có thể hiểu rõ hơn điều tôi đang nói, xin lấy một ẩn dụ (hoặc so sánh) như sau…

Ví dụ

"Tất cả những tư tưởng khôn ngoan đều được nghiền ngẫm hàng nghìn lần; nhưng để những tư tưởng đó thật sự là của mình, ta phải nghiền ngẫm chúng một cách thành thục, cho đến khi chúng bám rễ trong kinh nghiệm cá nhân của ta." - **Goethe**

1. *Nội dung chính của trích dẫn này* là những ý tưởng quan trọng nhất không phải là những ý tưởng mới, cái mới là việc sử dụng chúng trong tư duy của mình. Ta phải tự mình nghiền ngẫm chúng, nghiền ngẫm đi nghiền ngẫm lại, cho đến khi có thể áp dụng chúng vào cuộc sống của mình.
2. *Nói cách khác,* ta không cần phải khôn ngoan mới có thể áp dụng những ý tưởng quan trọng vào cuộc sống của mình. Tất cả những ý tưởng quan trọng nhất đều được khám phá và nghiền ngẫm không biết bao nhiêu lần trong suốt lịch sử. Nhưng nếu muốn sở hữu những ý tưởng đó, ta phải đưa chúng vào tư duy của mình, liên hệ chúng với kinh nghiệm cá nhân, và rồi sử dụng chúng để dẫn lối cho hành vi của chúng ta. Nếu muốn sống một cuộc đời tốt đẹp hơn, ta không cần phải đưa ra những ý tưởng mới mẻ hay độc đáo.

Thay vào đó, ta cần học cách sống với những ý tưởng đã có sẵn với mình.

3. *Ví dụ*, hãy xem xét những gì mà Socrates đã đưa ra (khoảng năm 600 TCN): Một cuộc đời không suy xét thì không đáng sống. Trong suốt lịch sử, nhiều người từng nói rằng, nếu muốn cải thiện cuộc sống của mình, bạn phải nhìn vào cách mà mình đang sống; bạn phải suy ngẫm về hành vi của mình, về điều đã khiến bạn hành xử phi lý. Song, rất ít người nhìn nhận ý tưởng này một cách nghiêm túc. Rất ít người suy ngẫm về thế nào là suy xét cuộc sống của mình. Rất ít người có công cụ để làm việc này. Rất ít người liên hệ ý tưởng này với trải nghiệm cá nhân của họ. Và rất ít người dám đối mặt với chính mình.

4. *Để bạn có thể hiểu rõ hơn điều tôi đang nói, xin lấy một ẩn dụ (hoặc so sánh) như sau*: Thành phố nào cũng có những thư viện với hàng nghìn quyển sách về những ý tưởng và kinh nghiệm quan trọng. Nhưng hầu hết các sách này lại bị ngó lơ, không ai đọc đến. Rất ít người nghĩ đến thư viện như một nơi tìm kiếm những ý tưởng có thể cải thiện cuộc sống của mình trở nên tốt đẹp hơn. Rất ít người nhận ra rằng thay vì tìm kiếm một ý tưởng mới, hào nhoáng (và có lẽ là hời hợt) trên truyền thông đại chúng, họ nên thực hành thành thạo một vài ý tưởng quan trọng, sâu sắc, xưa cũ đã được thời gian kiểm chứng (từ thư viện hoặc một hiệu sách tốt).

Đến lượt bạn thực hành

Hãy sử dụng các mẫu diễn đạt lại đã trình bày để viết những câu trích dẫn sau theo phong cách học thuật:

"Chẳng ai tự do mà lại không làm chủ cuộc đời mình." - **Epictetus**

"Không ai là những nô lệ vô vọng hơn những người tưởng nhầm rằng mình là kẻ tự do." - **Goethe**

"Bước đầu tiên để tiếp cận tri thức là biết rằng mình dốt." - **Cecil**

"Càng thực hành những gì mình biết, bạn sẽ càng biết mình cần phải thực hành những gì." - **W. Jenkin**

"Người ta không sở hữu cái mà mình không hiểu hết." - **Goethe**

"Nếu bạn muốn biết tường tận điều gì, hãy dạy điều đó cho người khác." - **Tryon Edwards**

"Tâm trí chẳng gì khác hơn một mảnh đất cằn cỗi... trừ khi bạn không ngừng chăm bón và làm màu mỡ nó bằng những vấn đề bên ngoài." - **Sir J. Reynolds**

"Chuyện nhổ rễ, cày, xới rồi bừa là dành cho đất, còn việc tư duy, suy ngẫm và suy xét là dành cho đầu óc." - **Berkeley**

"Đừng mất hy vọng vào học trò nếu người đó có một ý tưởng rõ ràng." - **Nathaniel Emmons**

"Những đầu óc hạn hẹp chẳng nghĩ được điều gì vượt khỏi năng lực của chính họ." - **Rochefoucauld**

"Nhìn chung có hai kiểu người thành công nhất trong đời sống chính trị: người vô nguyên tắc nhưng tài năng lỗi lạc, và người không tài năng nhưng lại có một nguyên tắc - phục tùng thượng cấp." - **Wendell Phillips**

"Công lý mà thiếu quyền lực thì không hiệu quả; quyền lực không đi cùng công lý thì chuyên chế." - **Pascal**

"Ngay cả sự trừng phạt pháp lý cũng mất đi tất cả dáng vẻ công lý mà nó có khi áp dụng cứng nhắc với những người vì đường cùng mà phải gây tội." - **Junius**

"Tư duy là phần việc khó làm nhất, có lẽ vì thế mà có rất ít người làm." **- Henry Ford**

"Tư duy làm nảy sinh tư duy. Khi bạn viết ra giấy một tư tưởng, tư tưởng khác sẽ theo đó tuôn ra, và rồi cả những tư tưởng khác nữa, cho đến khi bạn viết đầy trang... Hãy học cách tư duy, và bạn sẽ học được cách viết; bạn càng tư duy nhiều bao nhiêu, bạn càng thể hiện các ý tưởng của mình tốt bấy nhiêu." **- G. A. Sala**

"Tư tưởng của chúng ta là của chúng ta, nhưng cái kết của chúng thì không do chúng ta định đoạt." **- William Shakespeare**

"Tất cả những tư tưởng khôn ngoan đều đã được nghiền ngẫm hàng nghìn lần; nhưng để những tư tưởng đó thật sự là của ta, ta phải nghiền ngẫm chúng một cách thành thục, cho đến khi chúng bám rễ trong kinh nghiệm cá nhân của ta." **- Goethe**

"Chìa khóa của mỗi người chính là tư duy của người đó **- Ralph Waldo Emerson**

Diễn đạt lại và Làm rõ Đoạn văn bản Học thuật

Trong phần tiếp theo, chúng ta sẽ tập trung vào hai đoạn văn bản học thuật có ảnh hưởng lớn đến suy nghĩ của nhiều người có óc phản tư. Nhiệm vụ của bạn là nắm bắt lại tư tưởng trong đoạn văn bản đó bằng cách thể hiện nó bằng ngôn từ của riêng bạn. Sau khi diễn đạt lại từng câu một của đoạn văn bản đó, bạn có thể đọc phần diễn giải mẫu của chúng tôi. Sau đó chúng tôi sẽ đưa ra ví dụ về cách giải thích luận đề của đoạn văn bản bằng cách sử dụng mẫu của việc làm rõ đã được giới thiệu ở phần trước. Hãy tự xây dựng phần diễn giải của bạn trước khi đọc mẫu diễn giải của chúng tôi. Phần phụ lục sẽ giới thiệu thêm các mẫu khác để bạn thực hành thêm.

Diễn đạt lại và làm rõ đoạn văn bản học thuật

Hướng dẫn: Đối với mỗi đoạn văn bản, hãy kiểm tra mức độ hiểu đoạn văn bản của bạn bằng cách diễn đạt lại bằng ngôn từ của riêng bạn. So sánh đoạn văn bản mà bạn viết ra với mẫu diễn giải sau Bài tập 1: Diễn đạt lại.

Cuộc Truy tầm Ý nghĩa của Con người

Thông tin nền: Đoạn trích sau đây được lấy từ cuốn sách ***Cuộc truy tầm Ý nghĩa của Con người*** (Man's Search for Meaning, 1959) của Viktor E. Frankl. Tiến sĩ Frankl là một bác sĩ tâm thần và nhà thần kinh học từng bị giam giữ trong nhà tù Auschwitz và nhiều nhà tù khác của Đức Quốc Xã. Ông đã phát triển thuyết "liệu pháp ý nghĩa" trong đó "tập trung vào hành trình đi tìm ý nghĩa cao hơn trong cuộc sống của con người".

> Điều mà con người thật sự cần không phải là trạng thái vô ưu vô lo, mà là nỗ lực và đấu tranh cho mục đích nào đó có giá trị với mình. Cái mà họ cần không phải là giải tỏa căng thẳng bằng mọi giá, mà là lời hiệu triệu của một ý nghĩa tiềm năng đang chờ được họ hoàn tất… [Người ta] thường không nhận ra được ý nghĩa xứng đáng để sống vì nó. Họ bị ám ảnh bởi trải nghiệm trống rỗng nội tâm, một khoảng hư vô trong chính bản thân họ; họ bị mắc kẹt trong tình huống mà tôi gọi là "sự trống rỗng hiện sinh"… Sự trống rỗng hiện sinh đó tự thể hiện ra chủ yếu trong trạng thái buồn chán… Có không ít trường hợp tự vẫn có thể truy nguyên về sự trống rỗng hiện sinh đó… Đôi khi ý chí tuyệt vọng muốn tìm kiếm ý nghĩa được bù trừ bằng ý chí quyền lực, bao gồm cả hình thức nguyên thủy nhất của ý chí quyền lực: sự khao khát tiền tài. Trong những trường hợp khác, vị trí của ý chí đi tìm ý nghĩa được thay thế bằng ý chí ham muốn khoái lạc… Rốt cục, con người không nên đặt ra câu hỏi ý nghĩa của cuộc sống là gì, mà phải nhận ra câu hỏi đó được đặt ra cho chính mình. Nói ngắn, mỗi ý nghĩa đều được đặt ra bởi cuộc sống; và họ chỉ có thể trả lời cho cuộc sống bằng cách *trả lời* cho cuộc đời của chính mình; đối với cuộc sống, họ chỉ có thể đáp lại bằng việc sống có trách nhiệm… (trang 166 - 172).

Bài tập 1: Diễn đạt lại

Điều mà con người thật sự cần không phải là trạng thái vô ưu vô lo, mà là nỗ lực và đấu tranh cho mục đích nào đó có giá trị với mình. Cái mà họ cần không phải là giải tỏa căng thẳng bằng mọi giá, mà là lời hiệu triệu của một ý nghĩa tiềm năng đang chờ được họ hoàn tất…

Diễn đạt lại:

[Người ta] thường không nhận ra được ý nghĩa xứng đáng để sống vì nó. Họ bị ám ảnh bởi trải nghiệm trống rỗng nội tâm, một khoảng hư vô trong chính bản thân họ; họ bị mắc kẹt trong tình huống mà tôi gọi là "sự trống rỗng hiện sinh"…

Diễn đạt lại:

Sự trống rỗng hiện sinh đó tự thể hiện ra chủ yếu trong trạng thái buồn chán… Có không ít trường hợp tự vẫn có thể truy nguyên về sự trống rỗng hiện sinh đó…

Diễn đạt lại:

Đôi khi ý chí tuyệt vọng muốn tìm kiếm ý nghĩa được bù trừ bằng ý chí quyền lực, bao gồm cả hình thức nguyên thủy nhất của ý chí quyền lực: sự khao khát tiền tài. Trong những trường hợp khác, vị trí của ý chí đi tìm ý nghĩa được thay thế bằng ý chí ham muốn khoái lạc…

Diễn đạt lại:

Rốt cục, con người không nên đặt ra câu hỏi ý nghĩa của cuộc sống là gì, mà phải nhận ra câu hỏi đó được đặt ra cho chính mình. Nói ngắn, mỗi ý nghĩa đều được đặt ra bởi cuộc sống; và họ chỉ có thể trả lời cho cuộc sống bằng cách trả lời cho cuộc đời của chính mình; đối với cuộc sống, họ chỉ có thể đáp lại bằng việc sống có trách nhiệm…

Diễn đạt lại:

So sánh bài viết của bạn: Diễn giải mẫu

Điều mà con người thật sự cần không phải là trạng thái vô ưu vô lo, mà là nỗ lực và đấu tranh cho mục đích nào đó có giá trị với mình. Cái mà họ cần không phải là giải tỏa căng thẳng bằng mọi giá, mà là lời hiệu triệu của một ý nghĩa tiềm năng đang chờ được họ hoàn tất…

Diễn đạt lại: Con người không nhất thiết phải cố tránh không bị stress hay khó khăn. Thay vì thế, họ nên chủ động tìm kiếm những mục đích quan trọng. Mọi người không nên chỉ dành thời gian và năng lượng cho việc cố gắng giải tỏa áp lực cuộc sống. Thay vào đó, họ nên dùng năng lượng để theo đuổi những điều quan trọng và có ý nghĩa với mình.

[Người ta] thường không nhận ra được ý nghĩa xứng đáng để sống vì nó. Họ bị ám ảnh bởi trải nghiệm trống rỗng nội tâm, một khoảng hư vô trong chính bản thân họ; họ bị mắc kẹt trong tình huống mà tôi gọi là "sự trống rỗng hiện sinh"…

Diễn đạt lại: Mọi người thường không thấy được điều có ý nghĩa trong cuộc sống. Tâm trí họ không chủ động theo đuổi bất kỳ điều gì thú vị, bất cứ điều gì mang lại cho họ ý nghĩa sâu sắc trong cuộc sống. Cuộc sống với họ dường như khô cằn và không trọn vẹn.

Sự trống rỗng hiện sinh đó tự thể hiện ra chủ yếu trong trạng thái buồn chán… Có không ít trường hợp tự vẫn có thể truy nguyên về sự trống rỗng hiện sinh đó…

Diễn đạt lại: Việc thiếu đi một ý nghĩa quan trọng trong cuộc đời thường dẫn một người tới tình trạng chán nản, uể oải, lãnh đạm, thờ ơ. Đôi khi tình trạng "hiện hữu trống rỗng" có thể khiến người ta tự vẫn.

Đôi khi ý chí tuyệt vọng muốn tìm kiếm ý nghĩa được bù trừ bằng ý chí quyền lực, bao gồm cả hình thức nguyên thủy nhất của ý chí quyền lực: sự khao khát tiền tài. Trong những trường hợp khác, vị trí của ý chí đi tìm ý nghĩa được thay thế bằng ý chí ham muốn khoái lạc…

Diễn đạt lại: Đôi khi mọi người không theo đuổi những ý nghĩa và mục tiêu quan trọng, thay vào đó năng lượng của họ được dùng để tìm kiếm quyền lực và sự thống trị. Một số người thậm chí còn dùng đến hình thức quyền lực tàn bạo nhất, theo đuổi tiền tài chỉ vì mục đích tiền tài. Ở những người khác, thất bại trong công cuộc đi tìm mục tiêu quan trọng được khỏa lấp bằng cuộc theo đuổi khoái lạc phù phiếm.

Rốt cục, con người không nên đặt ra câu hỏi ý nghĩa của cuộc sống là gì, mà phải nhận ra câu hỏi đó được đặt ra cho chính mình. Nói ngắn, mỗi ý nghĩa đều được đặt ra bởi cuộc sống; và họ chỉ có thể trả lời cho cuộc sống bằng cách trả lời cho cuộc đời của chính mình; đối với cuộc sống, họ chỉ có thể đáp lại bằng việc sống có trách nhiệm…

Diễn đạt lại: Phân tích đến cùng, mọi người không nên cố tìm ý nghĩa *đích thực* của cuộc đời. Thay vào đó, họ nên trả lời những câu hỏi: "Tôi có thể mang lại cho cuộc đời mình ý nghĩa gì? Tôi có thể tạo ra ý nghĩa quan trọng gì cho mình? Tôi có thể theo đuổi mục tiêu nào để cuộc sống của tôi trở nên quan trọng?" - Nói tóm lại, mọi người phải trả lời cho thế giới bằng hành động của mình. Mỗi người chúng ta phải biện minh cách thức và lý do tại sao chúng ta lại sống cuộc đời như ta đang sống là đúng. Và mỗi người chúng ta phải có trách nhiệm theo đuổi những mục tiêu quan trọng, sống có lương tri. Mỗi người

chúng ta phải chịu trách nhiệm cho những quyết định làm nên cuộc sống mà mình đã đưa ra. Mỗi người chúng ta phải chịu trách nhiệm cho hạnh phúc của chính mình.

Bài tập 2

Luận đề của *Cuộc truy tầm Ý nghĩa của con người*

Chỉ dẫn: Hoàn thành 4 nhiệm vụ sau: (1) Phát biểu luận đề của đoạn văn bằng ngôn từ của bạn. (2) Làm rõ luận đề đó. (3) Đưa ra ít nhất một ví dụ về luận đề đó. (4) Minh họa luận đề đó bằng một so sánh hoặc ẩn dụ.

Phát biểu Luận đề

Cách duy nhất để sống một cuộc đời thực sự có ý nghĩa là tìm kiếm những mục đích quan trọng và sống theo những mục đích ấy.

Làm rõ Luận đề

Hầu hết mọi người đều không biết làm thế nào để tìm được những ý nghĩa quan trọng trong cuộc đời. Thay vào đó, họ buồn chán với cuộc sống. Họ đặt ra những câu hỏi như: "Ý nghĩa của cuộc sống là gì?". Lẽ ra họ nên hỏi: "Tôi có thể tự tạo cho mình ý nghĩa quan trọng nào?". Nói tóm lại, mọi người thường có xu hướng nhìn ra ngoài bản thân để đi tìm những ý nghĩa được định sẵn, thay vì lựa chọn trong số những mục tiêu quan trọng và mang tính thách thức đối với chính họ.

Lấy Ví dụ về Luận đề

Thay vì tìm kiếm những mục tiêu thật sự làm cuộc sống của mình trở nên trọn vẹn, mọi người thường theo đuổi địa vị quyền lực, tiền tài, thú vui và sự tiêu khiển. Chẳng hạn, khi theo đuổi quyền lực, mọi người đầu tư năng lượng của mình vào những gì cho phép họ kiểm soát người khác, cho

phép họ vượt trội hơn người khác. Điều này thay thế cho ý nghĩa đích thực trong cuộc sống. Nhưng khi tạo nên những mục đích thuần lý, có ý nghĩa, mọi người sẽ thỏa mãn với cuộc sống hơn. Nhiều thanh thiếu niên thiếu đi mục đích quan trọng. Họ tìm kiếm sự thỏa mãn trong chốc lát. Họ tìm kiếm cảm giác vui thú và sự tiêu khiển trong những mối quan hệ và sự kiện hời hợt. Vì phong cách sống này không dẫn tới bất kỳ ý nghĩa quan trọng nào trong cuộc sống của họ, họ thường tìm đến ma túy và rượu bia để có được những cơn phấn khích rẻ tiền. Ngược lại, khi theo đuổi những mục tiêu và hoạt động quan trọng với họ (ví dụ: thể thao, chụp ảnh, viết lách, các mục đích chính trị, kịch nghệ), thanh thiếu niên tìm thấy ý nghĩa đích thực trong cuộc sống của mình. Họ không chán nản với cuộc sống. Họ không cần những người bạn trong nhóm bạn đồng trang lứa chấp nhận mình. Họ sử dụng năng lượng của mình để tạo ra những gì mà họ thấy là quan trọng với bản thân họ.

Minh họa Luận đề

Tìm kiếm những ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống cũng giống như tìm ngọc trai trong miệng hàu. Con hàu giống như những bộn bề của cuộc sống đang ngăn cản chúng ta xác định những mục tiêu quan trọng của cuộc đời mình, ngáng đường chúng ta đến với phần thưởng xứng đáng với công cuộc tìm kiếm. Đó là những thứ tù đọng, ảm đạm dễ dàng cầm tù chúng ta. Ta phải lần mò trong miệng hàu mới tìm được viên ngọc quý. Chúng ta phải đi qua những khó khăn mới tìm được điều gì thực sự quan trọng với mình. Nhưng phần thưởng luôn tỏa sáng, rực rỡ và đích thực (với chính con người chúng ta).

Lịch sử về những Gia tài Kếch xù ở Mỹ

Thông tin nền: Năm 1909, Gustavus Myers viết một bộ lịch sử ba tập về các gia tài kếch xù ở Mỹ. Khi đó, Myers đang cố gắng hiểu và giải thích làm thế nào mà những người giàu có nhất của đất nước này lại giàu có như vậy. Trong cuốn sách của mình, ông không tập trung vào năng lực phi thường hay sự cần mẫn chăm chỉ của những người này, và cũng không liên hệ trực tiếp sự giàu có ấy với lòng tham hay lối hành xử thiếu đạo đức. Thay vào đó, ông cho rằng "những gia tài kếch xù là hệ quả tự nhiên, hợp lô gic của một hệ thống"… [một hệ thống tạo ra] "sự cướp đoạt của số đông cho số ít." Kết quả là một kết quả "tự nhiên" của kinh tế và con người.

> Những gia tài tư nhân đáng chú ý của thời thuộc địa và định cư đều đến từ việc sở hữu đất đai và lợi nhuận của hoạt động thương mại… Trên khắp các thuộc địa đầy rẫy những vị chúa đất, những người nắm trong tay những dải đất rộng lớn mà họ thực hiện sự chuyên quyền, và thống trị theo kiểu phong kiến ở một số nơi… Gần như tất cả các thuộc địa đều có các công ty ủy quyền, được tổ chức thuần túy vì mục đích thương mại, và thành công của những công ty này phụ thuộc chủ yếu vào cuộc di cư mà họ có thể thúc đẩy.
>
> Những công ty này được ban cho những đặc quyền và quyền lực to lớn, mà thực tế là biến họ thành những người nắm quyền tối cao…
>
> Khi nhu cầu thương mại phải được duy trì bằng bất kỳ giá nào, một hệ thống đã được triển khai để tập hợp các tầng lớp người nghèo ở Anh càng nhiều càng tốt với một cái cớ nào đó, và đưa họ lên tàu [tới Mỹ] như những lao động có ràng buộc. Những người Anh thấp kém, không một xu dính túi bị bắt giữ và kết án vì bất kỳ một tội nào đó trong vô số các tội danh theo quy định khắt khe của luật pháp khi ấy sẽ được chuyển đi như tội phạm hoặc bán cho các vùng thuộc địa như là nô lệ có hạn dùng nhiều năm. Các tòa án Anh bận rộn cung cấp nguyên liệu con người cho đồn điền Virginia… Không một tiếng nói phản kháng nào cất lên (trang 11 - 12).

Bài tập 1: Diễn đạt lại

Những gia tài tư nhân đáng chú ý của thời thuộc địa và định cư đều đến từ việc sở hữu đất đai và lợi nhuận của hoạt động thương mại.

Diễn đạt lại:

... Trên khắp các thuộc địa đầy rẫy những vị chúa đất, những người nắm trong tay những dải đất rộng lớn mà họ thực hiện sự chuyên quyền và thống trị theo kiểu phong kiến ở một số nơi...

Diễn đạt lại:

Gần như tất cả các thuộc địa đều có các công ty ủy quyền, được tổ chức thuần túy vì mục đích thương mại, và thành công của những công ty này phụ thuộc chủ yếu vào cuộc di cư mà họ có thể thúc đẩy.

Diễn đạt lại:

Những công ty này được ban cho những đặc quyền và quyền lực to lớn, mà thực tế là biến họ thành những người nắm quyền tối cao...

Diễn đạt lại:

Khi nhu cầu thương mại phải được duy trì bằng bất kỳ giá nào, một hệ thống đã được triển khai để tập hợp các tầng lớp dân nghèo ở Anh càng nhiều càng tốt với một cái cớ nào đó, và đưa họ lên tàu [tới Mỹ] như những lao động có ràng buộc.

Diễn đạt lại:

Những người Anh thấp kém, không một xu dính túi bị bắt giữ và kết án vì bất kỳ một tội nào đó trong vô số các tội danh theo quy định khắt khe của luật pháp khi ấy sẽ được chuyển đi như tội phạm hoặc bán cho các vùng thuộc địa như là nô lệ có hạn dùng nhiều năm. Các tòa án Anh bận rộn cung cấp nguyên liệu con người cho đồn điền Virginia...

Diễn đạt lại:

Không một tiếng nói phản kháng nào cất lên.

Diễn đạt lại:

So sánh bài viết của bạn: Diễn giải mẫu

Những gia tài tư nhân đáng chú ý của thời thuộc địa và định cư đều đến từ việc sở hữu đất đai và lợi nhuận của hoạt động thương mại.

Diễn đạt lại: Trong suốt giai đoạn đầu của thời kỳ thuộc địa ở Mỹ, những người giàu giàu lên nhờ sở hữu đất đai và giao thương.

... Trên khắp các thuộc địa đầy rẫy những vị chúa đất, những người nắm trong tay những dải đất rộng lớn mà họ thực hiện sự chuyên quyền và thống trị theo kiểu phong kiến ở một số nơi...

Diễn đạt lại: Ở khắp nơi trên các thuộc địa, có những chủ đất có tài sản lớn và quyền lực đến độ họ thực sự là "những chúa đất" có thể ra lệnh gần như bất cứ điều gì mà họ muốn cho những người sống trong địa hạt của mình, hệt như các vị chúa đất thời trung đại.

Gần như tất cả các thuộc địa đều có các công ty ủy quyền, được tổ chức thuần túy vì mục đích thương mại, và thành công của những công ty này phụ thuộc chủ yếu vào cuộc di cư mà họ có thể thúc đẩy.

Diễn đạt lại: Gần như tất cả các mảnh đất này đều được chiếm từ thổ dân Mỹ thông qua các công ty được cấp phép. Những công ty này chẳng quan tâm đến điều gì khác ngoài lợi nhuận. Thành công của họ phụ thuộc vào việc thu hút mọi người từ các vùng đất khác đến định cư.

Những công ty này được ban cho những đặc quyền và quyền lực to lớn, mà thực tế là biến họ thành những người nắm quyền tối cao...

Diễn đạt lại: Những công ty này có quyền và quyền lực lớn đến độ họ có quyền tự chủ và gần như tự quản lý.

Khi nhu cầu thương mại phải được duy trì bằng bất kỳ giá nào, một hệ thống đã được triển khai để tập hợp các tầng lớp dân nghèo ở Anh càng nhiều càng tốt với một cái cớ nào đó, và đưa họ lên tàu [tới Mỹ] như những lao động có ràng buộc.

Diễn đạt lại: Vì lợi nhuận là động cơ tối thượng duy nhất, và hệ thống mà họ thiết lập đòi hỏi lao động giá rẻ, nên nước Anh bắt đầu đưa ra những mưu mô hợp thức hóa việc đẩy người nghèo tới các vùng thuộc địa dưới hình thức gần như là nô lệ.

Những người Anh thấp kém, không một xu dính túi bị bắt giữ và kết án vì bất kỳ một tội nào đó trong vô số các tội danh theo quy định khắt khe của luật pháp khi ấy sẽ được chuyển đi như tội phạm hoặc bán cho các vùng thuộc địa như là nô lệ có hạn dùng nhiều năm. Các tòa án Anh bận rộn cung cấp nguyên liệu con người cho đồn điền Virginia…

Diễn đạt lại: Hệ thống tòa án của nước Anh trở thành phương tiện kinh tế cho phép các công ty giàu có ở thuộc địa và những ông chủ của nó tập hợp và sử dụng một số lượng lớn người nghèo cho các mục đích sinh lợi cho mình. Hệ thống này được thiết lập để có nhiều lý do kết tội mà người nghèo có thể phạm phải và bị trừng phạt nặng nề. Sự trừng phạt này thường bao gồm việc gửi họ tới các thuộc địa để làm nô lệ trong một khoảng thời gian xác định kéo dài nhiều năm.

Không một tiếng nói phản kháng nào cất lên.

Diễn đạt lại: Gần như không ai phản đối hệ thống độc ác và vô luân này.

Bài tập 2:
Chủ đề chính của *Lịch sử về những gia tài kếch xù ở Mỹ*

Phát biểu Luận đề

Một số ít người ở các thuộc địa của Mỹ trong giai đoạn đầu đã tích lũy được những khối tài sản, đất đai và quyền lực to lớn thông qua việc bóc lột những người nghèo ở Anh.

Làm rõ Luận đề

Hình thức thống trị của chính phủ chủ yếu ở các thuộc địa Mỹ thời kỳ đầu không phải là dân chủ mà gần với chế độ đầu sỏ phong kiến hơn. Chỉ có tương đối số ít những kẻ thực dân giàu có nằm ở đỉnh của một hệ thống gồm những công ty có giấy phép, đầy quyền lực. Những công ty này được vua Anh ban cho quyền lực và quyền hạn tuyệt đối để cai trị cả một vùng và những người sống trong vùng đó. Lợi nhuận là mục đích quan trọng hơn tất cả. Việc phủ nhận một cách có hệ thống các quyền con người đối với những người bị những người có quyền thao túng và bóc lột là chuyện bình thường và gần như không bị đặt dấu hỏi.

Lấy Ví dụ cho Luận đề

Ví dụ, mọi người bị buộc tội và bị kết án vì những tội vặt vãnh ở Anh với mục đích ngầm là cung cấp nô lệ cho thuộc địa. (Những người bị kết án thường bị đẩy thành lao động bị cưỡng ép cho các công ty mà vua Anh trao quyền).

Minh họa Luận đề

Để hiểu rõ hơn hiện tượng này, chúng ta có thể xem xét định chế pháp lý về chế độ nô lệ ở Mỹ từ thế kỷ 16 cho đến thế kỷ 18. Những người châu Phi vô tội bị vây bắt và bán trở thành nô lệ vì một mục đích rõ ràng - việc mưu cầu sự giàu có của chủ đất. Bằng việc sử dụng lực lượng lao động bị cưỡng ép miễn phí, những người giàu trở nên giàu hơn, còn

những người nô lệ bị phủ nhận những quyền con người cơ bản nhất. Việc phủ nhận tương tự đối với các quyền là điều cố hữu trong hệ thống kết tội người nghèo ở Anh và bắt họ phải sống đời nô lệ cho các chủ đất ở Mỹ.

Khám phá các Khái niệm Cốt lõi trong các Môn học

Trong phần này, chúng tôi sẽ đưa ra hai bài tập tập trung vào những khái niệm chủ chốt trong nhiều môn học khác nhau. Những khái niệm này quan trọng trong cả hoạt động học thuật cũng như trong đời sống con người. Trong một số trường hợp chúng tôi sẽ đề nghị bạn tập trung vào chính ý tưởng của môn học. Qua việc phát biểu, làm rõ, lấy ví dụ và minh họa cho ý tưởng, bạn sẽ thấy mình đang tiến hành viết có thực chất về từng môn học mà bạn nhắm tới.

Ví dụ, hãy xem xét trả lời những câu hỏi dưới đây như một phần của quá trình học cách tư duy một cách sinh học:

- Bạn có thể trình bày thế nào là quang hợp ngắn gọn trong một câu đơn giản không?
- Bạn có thể trình bày đầy đủ hơn những gì diễn ra trong quá trình quang hợp không?
- Bạn có thể trình bày một ví dụ về quang hợp không?
- Bạn có thể trình bày một so sánh hoặc ẩn dụ để giúp tôi thấy quá trình quang hợp trông ra sao không?

Bạn cũng có thể đặt ra 4 câu hỏi tương tự để giải thích thế nào là một phương trình, khối, năng lượng, phản ứng hóa học, vấn đề chủ yếu mà nhân vật chính trong một câu chuyện phải đối mặt, nội dung chính của một câu chuyện, và thực tế là bất kỳ khái niệm quan trọng nào. Mọi môn học đều có một mạng lưới hoặc một hệ thống các khái niệm mà bạn cần nhập tâm để tư duy thành công trong môn học đó.

Khi có thể trả lời bốn câu hỏi trên bằng những khái niệm cốt lõi trong các môn học, ta đã bắt đầu nắm bắt được cả khái niệm cũng như môn học.

Bài tập 1

Bây giờ chúng tôi có thể đề xuất một mẫu thực hành cho bất kỳ khái niệm nào, chẳng hạn như "X".
X được định nghĩa hay nhất là _____
Nói cách khác, _____
Ví dụ_____
Xin minh họa cho giải thích của tôi bằng một so sánh,
X giống như_____

Hãy dùng mẫu trên tập viết lại những điều bạn hiểu về 5 khái niệm chủ chốt trong các môn học. Sau đây là một số khái niệm chủ chốt mà bạn có thể cân nhắc thực hành: Khoa học, Hóa học, Sinh học, Thực vật học, Địa lý học, Sinh thái học, Nhân học, Xã hội học, Lịch sử, Kinh tế học, Chính trị, Tâm lý học, Đạo đức, Thần học, Văn học, Triết học, Hội họa, Điêu khắc, Âm nhạc, Kỹ thuật, Lô gic học, Toán học, Vật lý học. Theo chúng tôi, bạn có thể sử dụng bách khoa thư hoặc các nguồn tài liệu tham khảo khác (như sách giáo khoa) để tìm hiểu ý nghĩa của những khái niệm cốt lõi này. Nhưng luôn nhớ trình bày ý nghĩa của chúng bằng ngôn từ của riêng bạn.

Khi đã viết ra hiểu biết của mình về mỗi khái niệm, hãy đánh giá bài viết của bạn bằng cách đọc lại lời giải thích khái niệm đó (từ phần liên quan trong sách giáo khoa hoặc nguồn tham khảo khác). Bằng cách so sánh cẩn thận những gì bạn nói ra (và không nói ra) với lời giải thích trong sách, bạn có thể xác định được những điểm mạnh và điểm yếu trong hiểu biết ban đầu của mình về khái niệm đó.

Vì mọi môn học đều có những khái niệm cốt lõi hay những khái niệm mang tính tổ chức, điều hướng cho mọi

điều khác trong môn học, nên điều quan trọng là bạn phải học cách viết theo những cách sao cho có thể giúp bạn dễ dàng tiếp thu những khái niệm đó. Các khái niệm cốt lõi đó cho phép chúng ta nắm bắt được bức tranh toàn cảnh về môn học. Ta cần làm chủ được những khái niệm này trước khi học những khái niệm con. Trong phần này, chúng tôi sẽ cung cấp các mẫu tập viết giúp bạn "khai mở" các khái niệm chính yếu trong một môn học. Bài tập sau được xây dựng dựa trên bài tập trước.

Bài tập 2

Sử dụng các hướng dẫn sau đây để nắm bắt bản chất của các khái niệm cốt lõi:

1. Trình bày ý nghĩa của khái niệm bằng một câu đơn giản.
2. Trình bày tầm quan trọng của khái niệm đó với môn học (nói cách khác).
3. Cho một ví dụ về khái niệm (khi được áp dụng trong thực tế).
4. Đưa ra một so sánh hoặc ẩn dụ về khái niệm để liên kết khái niệm với những khái niệm tương tự trong các lĩnh vực khác.
5. Liên kết khái niệm này với các khái niệm quan trọng khác trong cùng một lĩnh vực tư tưởng.
6. Lấy ví dụ cho mục 5.

Sau đây là mẫu thực hành các hướng dẫn trên:

1. X là….
2. Nói cách khác…
3. Ví dụ,…
4. Xin minh họa cho giải thích của tôi bằng một so sánh, X giống như…
5. Khái niệm này có liên hệ với những khái niệm sau trong môn học này…
6. Một số ví dụ cho thấy mối liên hệ giữa khái niệm này và các khái niệm quan trọng khác là…

Bài tập 1 (Khái niệm Lịch sử)

1. Trình bày ý nghĩa của khái niệm bằng một câu đơn giản:

Lịch sử là sự phát triển của các "câu chuyện" hay các cách hiểu về quá khứ với mục đích hiểu mọi thứ đã xảy ra như thế nào và tại sao lại như thế, và cách chúng ta có thể sử dụng hiểu biết đó để sống tốt hơn trong hiện tại và tương lai.

2. **Trình bày tầm quan trọng của khái niệm đó với môn học:** Hiểu khái niệm lịch sử có ý nghĩa quyết định đối với khả năng tư duy một cách lịch sử, tư duy như một nhà sử học. Khi nghĩ về bản chất của tư duy lịch sử, chúng ta sẽ thấy rằng tất yếu là tư duy lịch sử có tính chọn lọc cao. Ví dụ, trong bất kỳ một thời kỳ lịch sử nhất định nào, ngay cả khi thời kỳ đó ngắn ngủi trong một ngày thôi, cũng có hàng triệu sự kiện diễn ra, buộc những người kể một câu chuyện về "ngày hôm qua" phải loại bỏ gần hết những gì thực sự đã xảy ra. Ngay cả lịch sử thành văn trên sách vở cũng chỉ bao quát được một phần rất nhỏ trong toàn bộ những sự kiện đã xảy ra trong thời kỳ lịch sử được nghiên cứu. Vì vậy, các nhà sử học chắc chắn phải thường xuyên đưa ra những phán đoán giá trị để quyết định cần thêm cái gì và loại bỏ cái gì ra khỏi câu chuyện của mình. Kết quả là, có thể có nhiều câu chuyện và mô tả khác nhau nhấn mạnh những khuôn mẫu khác nhau trong bản thân các sự kiện. Có thể nhà sử học này tập trung vào các nhân vật chính trị gia và tướng lĩnh vĩ đại, có sức ảnh hưởng, còn nhà sử học khác lại tập trung vào các ý tưởng lớn và các nghệ sĩ vĩ đại; nhà sử học khác nữa lại tập trung vào công nghệ và sự phát triển của nó; nhà sử học khác thì quan tâm đến vai trò của kinh tế; nhà sử học khác lại cố gắng làm rõ từng góc nhìn lịch sử kể trên. Vì lịch sử luôn được kể từ một góc nhìn nào đó, và mọi góc nhìn không nhất thiết đều hợp lý như nhau nên các mô tả lịch sử không phải lúc nào cũng có cùng một chất lượng giống nhau. Một số mô tả lịch sử trình bày các sự kiện quá khứ chính xác hơn và đưa ra những diễn giải hợp lý hơn về các sự kiện đó so với các mô tả lịch sử khác.

3. **Cho một ví dụ về khái niệm** (khi được áp dụng trong thực tế). Để tư duy một cách lịch sử thì phải bắt đầu kết

nối lịch sử với cuộc sống hằng ngày: Ví dụ, mọi người đều tạo ra một câu chuyện riêng trong tâm trí của riêng mình. Đây là một hình thức tư duy lịch sử. Qua việc nhận ra điều này, ta có thể bắt đầu phân tích cách mà chúng ta kể câu chuyện cuộc đời mình. Ta có thể cố gắng xác định mức độ mô tả chính xác các sự kiện trong quá khứ của mình bằng cách lắng nghe câu chuyện lịch sử về cuộc đời mình từ người khác. Ta có thể thấy mình đang né tránh sự thật về một phần nào đó trong hành vi của mình. Ta có thể học hỏi từ góc nhìn của những người khác.

4. **Đưa ra một so sánh hoặc ẩn dụ về khái niệm để liên kết khái niệm với những khái niệm tương tự trong các lĩnh vực khác:** Chúng ta có thể so sánh lịch sử với tiểu thuyết. Giống như việc lịch sử tập trung vào việc kể một câu chuyện về quá khứ, tất cả các tiểu thuyết cũng được đặt trong một bối cảnh thời gian và nơi chốn nào đó, và kể một câu chuyện về những gì diễn ra ở thời điểm đó, ở nơi đó. *Huckleberry Finn* của Mark Twain kể cho chúng ta nghe một câu chuyện về cuộc sống dọc theo sông Mississippi ở thế kỷ XIX. *A Christmas Carol* của Charles Dickens lại kể cho chúng ta nghe câu chuyện về cuộc sống của những người giàu và nghèo ở London vào giữa thế kỷ XIX. *The Grapes of Wrath* (Chùm nho nổi giận) của John Steinbeck lại kể câu chuyện về sự trật ra khỏi xã hội của những người nông dân nghèo (và về sự lãnh đạm chung của ngành công nghiệp lớn đối với những sự đau khổ của cá nhân) ở các bang chịu cảnh hạn hán của Mỹ trong những năm 1930. Cả lịch sử và tiểu thuyết đều thường có trong đó các nhân vật, các quyết định và hành động của con người. Những hàm ý của những quyết định và/hoặc sự kiện đó thường được nhấn mạnh trong cả hai hình thức văn bản.

5. **Liên kết khái niệm này với các khái niệm quan trọng khác trong cùng một lĩnh vực tư tưởng:** Khái niệm lịch sử có liên quan đến khái niệm thời gian, sự thay đổi, sự tăng trưởng, tiến bộ, xung đột, cách mạng, tiến hóa, sự vĩnh cửu, bản tính lấy xã hội làm trung tâm, các quy ước xã hội, các lợi ích tư lợi và quyền lực. Để hiểu lịch sử, người ta phải hiểu nó liên hệ như thế nào với công cuộc truy tầm ý nghĩa trong cuộc sống của con người. Quá khứ là chìa khóa mở ra hiện tại và tương lai. Ở quá khứ, ta có thể tìm thấy cả thành công lẫn thất bại, sự hoang phí và chiến tranh, vinh quang và đau khổ, sự bắt đầu, sự tăng trưởng, sự biến đổi, và kết thúc của mọi thứ.

6. **Lấy ví dụ:** Lịch sử vén mở những khuôn mẫu ngắn hạn và dài hạn. Trong lịch sử ta tìm thấy những nền văn minh kéo dài trăm năm hoặc nghìn năm. Ta nhìn thấy sự hiện diện của chiến tranh và đau khổ ở khắp mọi nơi. Ta nhìn thấy các quốc gia mạnh thống trị các quốc gia yếu. Ta nhìn thấy một số nhóm người (tiến bộ hơn về công nghệ) gần như loại bỏ hoàn toàn các nhóm khác - như sự thống trị của người châu Âu trong cuộc chinh phạt thổ dân châu Mỹ.

Bài tập 2 (Khái niệm Sinh học)

1. **Trình bày ý nghĩa của khái niệm bằng một câu đơn giản:** Sinh học là một ngành khoa học nghiên cứu tất cả các hình thức của sự sống. Mục tiêu cơ bản của môn học này là hiểu các hình thức sự sống vận hành như thế nào, bao gồm cả các quá trình và thành phần nền tảng của tất cả các hình thức sự sống.

2. **Trình bày tầm quan trọng của khái niệm đó với môn học:** Khi một người hiểu khái niệm cơ bản về một hình

thức sự sống, người đó sẽ hiểu được những mẫu thức chung giữa 10 triệu loài sinh vật sống đang tồn tại trong thế giới ngày nay. Ví dụ, tất cả các hình thức sự sống, dù đa dạng đến đâu, cũng đều có những đặc điểm chung như sau: (1) được cấu tạo từ các tế bào, được bao bởi một lớp màng để đảm bảo giữ cho các điều kiện bên trong khác với môi trường bên ngoài; (2) có ADN hoặc ARN làm vật chất mang theo "dự án ưu việt" của chúng; và (3) thực hiện một quá trình được gọi là trao đổi chất, có liên quan đến việc chuyển đổi các dạng năng lượng khác nhau thông qua những phản ứng hóa học có thể dự đoán được.

3. **Cho một ví dụ về khái niệm** (khi được áp dụng trong thực tế): Tư duy một cách sinh học là nhìn thế giới như được phân chia thành vật có sự sống và vật không có sự sống (hữu cơ và vô cơ), xem tất cả sinh vật như là một bộ phận của hệ sinh thái phức hợp. Khi tư duy một cách sinh học, bạn cũng có thể nhìn sinh vật dựa theo các khái niệm về cấu trúc và chức năng. Ở đâu có sự sống, bạn có thể thấy nó được cấu trúc theo những cách thức cụ thể, và các cấu trúc ấy có một chức năng cụ thể trong sinh vật đó.

4. **Đưa ra một so sánh hoặc ẩn dụ về khái niệm để liên kết khái niệm với những khái niệm tương tự trong các lĩnh vực khác:** Khái niệm sinh vật tồn tại trong hệ thống, cả bên trong và bên ngoài, là tương tự với cách thức các vật vô cơ tồn tại trong các hệ thống vật lý. Tìm kiếm "các hệ thống" là cột mốc của toàn bộ nền khoa học chứ không chỉ riêng sinh học. Chẳng hạn, mọi nhà hóa học đều nhìn thế giới như được cấu thành từ các nguyên tử có thể tập hợp lại với nhau theo những khuôn

mẫu cấu trúc có thể khám phá được. Ngoài ra, họ cũng nhìn những mẫu này như những thứ làm sự biến đổi vật chất từ trạng thái này sang trạng thái khác có thể có. Hãy lấy một loại chất hóa học và kết hợp hay phơi nó trước một chất hóa học khác, bạn có thể thu được một phản ứng hóa học tạo ra ít nhất một chất hóa học mới.

5. **Liên kết khái niệm này với các khái niệm quan trọng khác trong cùng một lĩnh vực tư tưởng:** Khái niệm về các hình thức sự sống có quan hệ với khái niệm về các cấu trúc tồn tại ở các cấp độ sự sống khác nhau (từ nhỏ nhất tới lớn nhất); chẳng hạn, sự sống ở cấp độ phân tử, ở cấp độ các bào quan, ở cấp độ tế bào, mô, cơ quan, sinh vật, quần thể, cộng đồng sinh thái và sinh quyển.

6. **Lấy ví dụ.** Các nhà sinh học có thể nghiên cứu vai trò của những phân tử cụ thể trong cấu trúc của các cơ quan tế bào, hay vai trò của các bào quan trong cấu trúc của tế bào, hoặc vai trò của tế bào trong cấu trúc mô, hoặc vai trò của mô trong cấu trúc của cơ quan, hoặc vai trò của cơ quan trong cấu trúc của sinh vật, v.v.. Mỗi cấp độ sự sống đều có quan hệ cụ thể với tất cả các cấp độ sự sống khác. Bản chất đa hệ thống này làm cho việc liên kết tất cả các ngành khoa học lại với nhau thành một đại hệ thống bao chứa nhiều hệ thống con là có thể có được.

Đến lượt bạn thực hành

Tập trung vào khái niệm cốt lõi của bất kỳ môn học nào và sử dụng mẫu đã cung cấp để viết có thực chất về chúng. Sử dụng các từ điển, bách khoa thư tốt, và/hoặc sách giáo khoa làm tài liệu tham khảo. Hãy nhớ rằng, không có câu trả lời nào duy nhất đúng cho những gì bạn đang làm. Câu

hỏi đặt ra là: Việc viết về khái niệm cốt lõi này có giúp bạn hiểu biết sâu hơn về các kích thước quan trọng của các phương cách tư duy hiệu quả giúp các môn học và chủ đề trở nên dễ dàng hơn không?

Phân tích Lập luận

Viết có thực chất có thể được dùng để hiểu lập luận của tác giả, thâm nhập vào tư duy của tác giả. Để suy nghĩ thấu suốt lô gic trong lập luận của tác giả, hãy hoàn thành các phát biểu sau trong bài viết của mình (Xem mẫu đầy đủ hơn ở phụ lục A):

- *Mục đích* của tác giả là…
- *Câu hỏi* chính mà tác giả trả lời trong bài viết này là…
- *Thông tin* quan trọng nhất mà tác giả sử dụng để lập luận thông suốt vấn đề này là…
- *Suy luận* hay kết luận quan trọng nhất mà tác giả đi đến là…
- Những *khái niệm* cốt lõi mà tác giả sử dụng trong tư duy của mình khi viết bài này là…
- *Giả định* nền tảng trong lập luận của tác giả là…
- Nếu xem xét một cách nghiêm túc, quan điểm của tác giả có các *hàm ý* là…
- *Góc nhìn chính* được trình bày trong bài viết là….

Bây giờ chúng tôi sẽ cung cấp hai đoạn trích ngắn. Hãy đọc từng đoạn, rồi dùng mẫu phân tích trong phụ lục A để viết về lô gic trong lập luận của tác giả. Sau khi hoàn thành, hãy so sánh bài viết của bạn với phân tích mẫu nằm sau mỗi đoạn trích.

Viết một cách Thực chất để Phân tích Lập luận: Một Ví dụ

Sau bài này là một phân tích mẫu.

Truyền thông Tin tức Có thể Cải cách không?

Để đưa ra cho công chúng của mình bài viết không thiên lệch thì trước hết, các nhà báo trên khắp thế giới phải biết cảm thông khi bước vào những thế giới quan mà họ hiện thời không thể đồng cảm được. Họ sẽ phải hình dung mình viết cho những độc giả có những quan niệm đối chọi với những quan niệm của họ. Họ sẽ phải phát triển những nhận thức sâu sắc về bản tính lấy xã hội làm trung tâm của chính họ. Họ sẽ phải làm những việc mà những người tiêu dùng tin tức một cách có phê phán đã làm. Vấn đề quan trọng nhất là nếu họ làm vậy, độc giả ắt sẽ xem những bài báo của họ là "thiên lệch" và "định kiến". Những phóng viên ấy sẽ bị xem là vô trách nhiệm khi cho phép những góc nhìn cá nhân của họ làm thiên lệch những bài báo của mình. Hãy hình dung các nhà báo Israel đang viết các bài báo trình bày góc nhìn Palestine một cách đầy cảm thông. Hãy hình dung các nhà báo Pakistan viết những bài báo trình bày góc nhìn của người Ấn một cách đầy đồng cảm.

Điểm cơ bản nhất ở đây là: các nhà báo không xác định được bản tính và những đòi hỏi đối với nghề nghiệp của họ. Họ không xác định được những gì mà độc giả của họ muốn, nghĩ, ghét hay sợ. Bản tính và đòi hỏi của nghề báo bị quy định bởi bản tính rộng lớn hơn của bản thân các xã hội và những niềm tin, những giá trị và những thế giới quan của các thành viên của chúng. Bản tính tự nhiên của con người là nhìn thế giới, trước hết, bằng những góc nhìn lấy cái tôi làm trung tâm và lấy xã hội làm trung tâm. Hầu hết người ta không quan tâm đến việc mở rộng quan điểm. Họ muốn những niềm tin và những giá trị hiện có của mình được tán dương và khẳng định. Giống như những người hâm mộ bóng đá, họ muốn đội nhà chiến thắng và khi đội nhà chiến thắng họ ăn mừng một cách vinh quang. Nếu đội nhà thua, họ muốn nghe người ta nói rằng đó chỉ là trò chơi thôi mà, có quan trọng gì đâu hay rằng đội kia đã chơi ăn gian, hay các trọng tài đã thiên vị, ép uổng đội mình.

Chừng nào đám đông quần chúng trong xã hội rộng lớn hơn vẫn còn bị lôi kéo theo những tin tức mới mang tính củng cố, chứ không tra vấn những quan niệm hay những đam mê nền tảng, thì những nhu cầu kinh tế vẫn sẽ như cũ. Lô gic này song hành với lô gic của việc sửa đổi thói quen ẩm thực của một đất nước. Chừng nào đám đông quần chúng vẫn muốn các thực phẩm nhiều chất béo đã qua chế biến, thị trường vẫn sẽ bán loại thực phẩm này cho họ. Và chừng nào đám đông quần chúng vẫn muốn những bài tin tức đơn giản hóa mang tính củng cố tư duy lấy cái Tôi làm trung tâm và lấy xã hội làm trung tâm của họ, trình bày thế giới bằng những câu chữ có ảnh hưởng sâu rộng về cái tốt và cái xấu (với những quan niệm của độc giả xem những gì họ thích là tốt và những gì họ ghét là xấu) thì truyền thông tin tức vẫn sẽ cho ra đời những bài báo như thế cho họ. Lợi ích và tỷ lệ các nguồn tin thường xuyên củng cố những đam mê và định kiến của độc giả sẽ vẫn tăng vọt.

Phân tích

***Mục đích* chính của bài báo này là** chỉ ra tại sao truyền thông tin tức không có vẻ gì thay đổi những thực hành truyền thống của họ là trình bày tin tức cho phù hợp với những định kiến của độc giả.

***Câu hỏi* cốt lõi mà tác giả đang đề cập là:** "Tại sao truyền thông tin tức không thể cải cách?"

***Thông tin* quan trọng nhất trong bài báo này là:**

1. Thông tin về truyền thông tin tức hiện đang vận hành như thế nào và tại sao:

    a. Truyền thông tin tức trình bày các câu chuyện cho phù hợp với quan điểm của độc giả. "Hầu hết người ta không quan tâm đến việc mở rộng quan điểm... Giống như những người hâm mộ bóng đá, họ muốn đội nhà chiến thắng... Đám đông quần chúng trong

xã hội rộng lớn hơn vẫn còn bị lôi kéo theo những tin tức mới mang tính củng cố, chứ không tra vấn những quan niệm hay những đam mê nền tảng."

b. Mục đích chính của truyền thông tin tức là tạo ra tiền. "Đám đông quần chúng vẫn muốn những bài tin tức đơn giản hóa... truyền thông tin tức vẫn sẽ cho ra đời những bài báo như thế cho họ. Lợi ích và tỷ lệ các nguồn tin thường xuyên củng cố những đam mê và định kiến của độc giả của họ sẽ vẫn tăng vọt."

2. Thông tin về truyền thông tin tức sẽ phải thay đổi như thế nào để có trách nhiệm hơn về mặt trí tuệ:

a. Truyền thông tin tức hẳn sẽ phải tích cực bước vào cách nhìn khác nhau về thế giới. "Hãy hình dung các nhà báo Israel đang viết các bài báo trình bày góc nhìn của người Palestine một cách đầy cảm thông. Hãy hình dung các nhà báo Pakistan viết những bài báo trình bày góc nhìn của người Ấn một cách đầy đồng cảm."

b. Truyền thông tin tức ắt phải "phát triển những nhận thức sâu sắc về bản tính lấy xã hội làm trung tâm của chính họ."

Những *suy luận* chính trong bài báo này là: "Chừng nào đám đông quần chúng trong xã hội rộng lớn hơn vẫn còn bị lôi kéo theo những tin tức mới mang tính củng cố, chứ không tra vấn những quan niệm hay những đam mê nền tảng," thì tin tức sẽ bị trình bày một cách thiên lệch. Vì mục đích chính của truyền thông là tạo ra tiền, và cách duy nhất để người ta mua báo là khi những quan niệm lấy xã hội làm trung tâm của họ được củng cố chứ không phải bị tra

vấn, thì truyền thông vẫn sẽ tiếp tục xuyên tạc các sự kiện cho phù hợp với những quan niệm của độc giả.

Những *khái niệm* then chốt hướng đạo lập luận của tác giả trong bài báo này là: báo chí thiên lệch và báo chí không thiên lệch, bản tính lấy cái Tôi làm trung tâm và bản tính lấy xã hội làm trung tâm. (Mỗi khái niệm trên phải được làm rõ).

Những *giả định* chính nằm bên dưới tư duy của tác giả là: lực truyền động nằm đằng sau sự truyền thông tin tức là tư lợi - tức là tạo ra tiền; vì thế truyền thông tin tức cố thỏa mãn những quan niệm của độc giả của họ để bán được nhiều báo; nhưng, cùng lúc, truyền thông tin tức phải làm ra vẻ đang hoạt động một cách khách quan và công bằng.

Nếu hướng lập luận này đúng, những *hàm ý* sẽ là: Các công dân cần tư duy một cách phê phán về sự truyền thông tin tức và cách chúng bóp méo những câu chuyện một cách có hệ thống để phù hợp với sự thiên lệch của độc giả. Họ cần chú ý xem những quan niệm lấy xã hội làm trung tâm của chính họ được tăng cường như thế nào qua những gì họ đọc.

***Góc nhìn chính* được trình bày trong bài báo này là:** Sự truyền thông tin tức thế giới thực hiện chức năng như những doanh nghiệp tạo ra lợi nhuận đang cấu trúc tin tức để cố làm thỏa mãn những định kiến của độc giả và xã hội.

Phần sau là một bài viết mẫu khác đã được phân tích (sử dụng mẫu phân tích trong phụ lục A).

Vấn đề Đạo đức học
Những lập luận đạo đức mang tính lấy xã hội làm trung tâm

Các nhà tư tưởng đạo đức có kỹ năng thường xuyên phân biệt đạo đức học với các lĩnh vực tư duy khác như quy ước xã hội (tư duy quy ước), tôn giáo (tư duy thần học), chính trị (tư duy chính trị), và luật pháp (tư duy pháp lý). Đạo đức học thường xuyên bị nhầm lẫn với những phương cách tư duy rất khác biệt ấy. Chẳng hạn, không phải hiếm khi các giá trị và những cấm kỵ xã hội mâu thuẫn và/hoặc rất khác nhau lại được xem là các quy tắc đạo đức phổ quát.

Các tư tưởng tôn giáo, quy tắc xã hội và luật pháp thường được hiểu nhầm là về bản chất mang tính đạo đức. Nếu chúng ta chấp nhận sự trộn lẫn này giữa các lĩnh vực, mọi thực hành trong một hệ thống tôn giáo bất kỳ ắt tất yếu sẽ được xem là đạo đức, mọi quy tắc xã hội cũng sẽ được xem là tất yếu mang tính đạo đức và mọi điều luật đều được biện minh về mặt đạo đức.

Nếu tôn giáo được dùng để định nghĩa đạo đức học, hẳn ta sẽ không thể phán đoán được bất kỳ thực hành tôn giáo nào là vô đạo đức. Tương tự, nếu tư duy đạo đức và tư duy quy ước là một, mọi thực hành xã hội trong một nền văn hóa bất kỳ ắt sẽ tất yếu mang tính đạo đức. Khi đó, ta không thể lên án bất kỳ truyền thống, quy phạm, quy tắc và cấm kỵ xã hội nào từ quan điểm đạo đức học - dù chúng băng hoại về đạo đức. Hơn nữa, nếu pháp luật được dùng để định nghĩa đạo đức học, các chính trị gia và luật sư sẽ được xem là các chuyên gia về đạo đức và mọi điều luật mà họ đưa vào sách sẽ mang lấy địa vị là chân lý đạo đức.

Như vậy việc phân biệt đạo đức học với các phương cách tư duy vốn thường bị hiểu nhầm là đạo đức học là việc làm cần thiết. Chúng ta phải được tự do phê phán những quy ước xã hội được số đông chấp nhận, những thực hành tôn giáo, và sử dụng những khái niệm đạo đức mà không bị quy định bởi những phương cách tư duy ấy. Không ai thiếu khả năng này mà lại có thể thông thạo lập luận đạo đức.

Các ví dụ về việc nhầm lẫn các nguyên tắc đạo đức với đức tin thần học

- Thành viên của các nhóm tôn giáo đôi khi hành động như thể đức tin thần học của họ là đương nhiên đúng.
- Thành viên của các nhóm tôn giáo đôi khi không xem "tội" là một khái niệm thần học, chứ nói gì đến khái niệm đạo đức học ("Tội" là một khái niệm được định nghĩa về mặt thần học).
- Các tôn giáo khác nhau không nhất trí về cái gì là tội (nhưng thường muốn áp đặt quan điểm của mình cho tất cả những người khác như thể đó là vấn đề đạo đức phổ quát).

Các ví dụ về việc nhầm lẫn đạo đức học với các quy ước xã hội

- Nhiều xã hội đã tạo ra những cấm kỵ đối với việc để lộ những bộ phận khác nhau trên cơ thể và trừng phạt nghiêm khắc những người phạm phải các cấm kỵ này.
- Nhiều xã hội cấm trao cho phụ nữ những quyền giống như nam giới.
- Nhiều xã hội đã chính đáng hóa về mặt xã hội sự bách hại tôn giáo.
- Nhiều xã hội đã bêu xấu về mặt xã hội các cuộc hôn nhân giữa các chủng tộc khác nhau.

Các ví dụ về việc nhầm lẫn đạo đức học với luật pháp

- Nhiều hoạt động tính dục (như đồng giới) đã bị trừng phạt (theo luật pháp của xã hội này hay xã hội khác).
- Nhiều xã hội áp đặt những điều luật bất công dựa trên các quan niệm phân biệt chủng tộc.
- Nhiều xã hội áp đặt những điều luật phân biệt đối xử với phụ nữ.
- Nhiều xã hội áp đặt những điều luật phân biệt đối xử với trẻ em.
- Nhiều xã hội đã biến tra tấn và/hoặc nô lệ trở thành hợp pháp.
- Nhiều xã hội áp những điều luật tùy tiện trừng phạt tội sử dụng ma túy cho người này mà không trừng phạt người kia.

Phân tích Mẫu

Mục đích chính của bài viết này là thuyết phục người đọc tin rằng không nên nhầm lẫn đạo đức học với các phương cách tư duy khác - cụ thể là tôn giáo, các quy ước xã hội, và luật pháp.

Câu hỏi chính mà tác giả trả lời là: Đạo đức khác với các phương cách tư duy khác như thế nào?

Thông tin quan trọng nhất trong bài này gồm có:

1. **Các ví dụ về việc nhầm lẫn nguyên tắc đạo đức với đức tin thần học.**
2. **Các ví dụ về việc nhầm lẫn đạo đức học với các quy ước xã hội:** Nhiều xã hội đã tạo ra những cấm kỵ đối với việc để lộ những vùng khác nhau trên cơ thể và trừng phạt nghiêm khắc những người phạm phải các cấm kỵ này.
3. **Các ví dụ về việc nhầm lẫn đạo đức học với pháp luật:** Nhiều hoạt động tính dục (như tình dục đồng giới) đã bị trừng phạt (theo luật pháp của xã hội này hoặc xã hội kia).

***Suy luận*/kết luận chính trong bài viết này là:** "việc phân biệt đạo đức học với các phương cách tư duy vốn thường bị hiểu nhầm là đạo đức học là việc làm cần thiết," và chỉ khi phân biệt đạo đức học với các phương cách tư duy khác ta mới có thể phê phán những thực hành bên trong các phương cách tư duy khác từ góc nhìn đạo đức học.

Các *khái niệm* chính dẫn dắt lập luận của tác giả trong bài viết này là: lập luận đạo đức, quy ước xã hội (tư duy quy ước), tôn giáo (tư duy thần học), chính trị (tư duy chính trị), và luật pháp (tư duy pháp lý).

***Giả định* chính làm cơ sở cho tư duy của tác giả là:** điều quan trọng là mọi người phải hiểu rằng đạo đức học không thể bị sử dụng hay nhầm lẫn với các phương cách tư duy khác, rằng nhiều người không hiểu rằng đạo đức học là riêng biệt so với các phương cách lập luận khác, và thật

nguy hiểm khi mọi người xem đạo đức như thứ gì đó có thể được định nghĩa bằng thần học, xã hội hay luật pháp.

Nếu đường hướng lập luận này được biện minh là đúng, các *hàm ý* của nó là: mọi người cần phải hiểu đạo đức học và phân biệt rõ trong đầu mình đạo đức học với các phương cách tư duy vốn thường bị nhầm lẫn với đạo đức học. Ngoài ra, mọi người cần đặt câu hỏi về những thực hành phổ biến thường nhầm lẫn đạo đức học với các lĩnh vực tư duy khác. Nếu họ không làm được như vậy, các thực hành tôn giáo, quy ước xã hội và luật pháp sẽ quyết định cái gì được xem là đạo đức trong một xã hội.

***Góc nhìn chính* được trình bày trong bài viết này là:** mọi người thường không phân biệt được đạo đức học với các phương cách tư duy khác, và vì vậy họ thường dùng những tiêu chuẩn sai để phân định cái gì là đúng và sai về đạo đức trong hành xử của con người.

Đánh giá lập luận

Mỗi văn bản viết không bao giờ có cùng một chất lượng. Chúng ta có thể đánh giá những gì mình viết bằng cách áp dụng các chuẩn trí tuệ cho nó - những chuẩn như sự rõ ràng, sự đúng đắn, sự chính xác, tính liên quan, ý nghĩa, chiều sâu, chiều rộng, tính lô gic và công bằng. Ta có thể phát biểu rõ ràng lập trường của mình, trong khi cùng lúc lại sử dụng thông tin không chính xác. Ta có thể sử dụng thông tin có liên quan trong một bài viết nhưng lại không suy nghĩ thông suốt về những tính phức hợp của vấn đề (ví dụ, không đạt được đến chiều sâu của vấn đề). Lập luận của chúng ta có thể hợp lô gic nhưng lại không có nghĩa. Là người viết, chúng ta cần làm tốt việc đánh giá chất lượng lập luận của chính mình.

Đến lượt bạn thực hành

Hãy sử dụng mẫu đánh giá trong Phụ lục B để đánh giá lô gic trong lập luận của tác giả trong hai ví dụ trước (phần **Phân tích Lập luận**).

PHỤ LỤC

Phụ lục A

Phân tích Lô gic của một bài Báo, bài Luận hay Chương sách

Một cách quan trọng để hiểu một bài luận, bài báo hay chương sách là thông qua sự phân tích các bộ phận trong lập luận của tác giả. Một khi làm được điều này, bạn có thể đánh giá lập luận của tác giả bằng các chuẩn trí tuệ. Dưới đây là một mẫu:

1. **Mục đích** chính của bài báo này là _____.
   (Ở đây bạn đang cố gắng phát biểu, càng đúng càng tốt, ý định của tác giả khi viết bài báo này. Tác giả đang cố gắng đạt tới điều gì?)
2. **Câu hỏi** cốt lõi mà tác giả đang đề cập là _____.
   (Mục tiêu của bạn là tìm ra câu hỏi cốt lõi trong đầu tác giả khi họ viết bài báo này. Câu hỏi cốt lõi được đề cập trong bài báo là gì?)
3. **Thông tin** quan trọng nhất trong bài báo là _____.
   (Bạn phải nhận diện những thông tin quan trọng mà tác giả đã sử dụng hay tiền giả định trong bài báo để ủng hộ cho các lập luận của mình. Ở đây, bạn phải tìm kiếm các sự kiện, kinh nghiệm, và/hoặc các dữ kiện mà tác giả đang sử dụng để ủng hộ những kết luận của họ).
4. **Những suy luận** chính trong bài báo là _____.
   (Bạn phải nhận diện những kết luận quan trọng nhất mà tác giả đã tìm ra và trình bày trong bài báo.)
5. **(Những) khái niệm** then chốt mà ta cần hiểu trong bài báo là _____. Qua những khái niệm này, tác giả

muốn nói _____. (Hãy nhận diện những ý niệm ấy và tự hỏi: đâu là những ý niệm quan trọng nhất mà bạn phải biết để hiểu hướng lập luận của tác giả? Sau đó hãy làm rõ điều tác giả muốn nói qua những ý niệm ấy.)

6. **(Những) giả định** chính nằm bên dưới tư duy của tác giả là _____. (Hãy tự hỏi mình: Tác giả đang xem điều gì là đương nhiên [trong khi lẽ ra cần phải tra vấn]? Những giả định là những sự khái quát hóa mà tác giả không nghĩ họ phải biện minh trong bài viết của mình, và chúng thường không được phát biểu ra. Đây chính là chỗ tư duy của tác giả bắt đầu lô gic.)

7a. Nếu chúng ta chấp nhận hướng lập luận này của tác giả, những **hàm ý** sẽ là _____. (Những hệ quả nào có thể sẽ nảy sinh nếu người ta nghiêm túc đi theo hướng lập luận của tác giả? Ở đây bạn phải theo đuổi những hàm ý lô gic trong lập trường của tác giả. Bạn cần tính đến những hàm ý mà tác giả đã phát biểu, và cả những hàm ý mà tác giả không phát biểu.)

7b. Nếu chúng ta không xem xét nghiêm túc hướng lập luận này, những **hàm ý** sẽ là_____ (Những hệ quả nào sẽ nảy sinh nếu người ta làm ngơ lập luận của tác giả?)

8. (Những) **góc nhìn** chính được trình bày trong bài báo là _____. (Câu hỏi chính mà bạn đang ra sức trả lời ở đây là: Tác giả đang xem xét điều gì và xem xét như thế nào? Chẳng hạn, trong cẩm nang này, chúng ta đang xem xét "việc viết lách" và xem nó như "đòi hỏi kỷ luật trí tuệ và sự thực hành đều đặn".

Nếu thật sự hiểu những cấu trúc này khi chúng quan hệ qua lại với nhau trong một bài báo, bài luận hay chương sách, bạn sẽ có khả năng "tư duy ở vị trí tác giả" một cách đầy cảm thông. Đây là 8 cấu trúc cơ bản xác định mọi lập luận. Chúng là những yếu tố bản chất của tư tưởng.

Phụ lục B
Đánh giá Lập luận của một Tác giả

1. Nhận diện **mục đích** của tác giả: Mục đích của tác giả có được phát biểu hay được ngụ ý một cách rõ ràng không? Nó có thể được biện minh không?
2. Nhận diện **câu hỏi** chính mà bài viết trả lời: Câu hỏi có được phát biểu (hoặc ngụ ý) rõ ràng không? Nó có rõ ràng và không định kiến không? Câu hỏi đã thể hiện được hết tính phức hợp của vấn đề đang xem xét chưa? Câu hỏi và mục đích có liên quan trực tiếp với nhau không?
3. Nhận diện **thông tin** quan trọng nhất mà tác giả trình bày: Tác giả có trích dẫn chứng cứ, kinh nghiệm, và/hoặc thông tin liên quan có ý nghĩa thiết yếu đối với vấn đề không? Tác giả có giải quyết những tính phức hợp của vấn đề không?
4. Nhận diện các **khái niệm** cốt lõi nhất nằm ở trung tâm trong lập luận của tác giả: Tác giả có xác định rõ các khái niệm cốt lõi khi cần không? Các khái niệm có được sử dụng một cách chính đáng không?
5. Nhận diện các **giả định** của tác giả: Tác giả có tỏ ra nhạy cảm với những gì mình cho là đương nhiên hoặc giả định (trong chừng mực những giả định này có thể được nghi vấn một cách hợp lý) không? Hay tác giả có sử dụng những giả định cần đặt dấu hỏi mà không giải quyết những vấn đề cố hữu có trong các giả định không?

6. Nhận diện các **suy luận** hay kết luận quan trọng nhất trong bài viết: Các suy luận hay kết luận mà tác giả đưa ra hiện ra rõ ràng từ thông tin liên quan đến vấn đề, hay tác giả nhảy vào những kết luận không chính đáng? Tác giả có xem xét các kết luận khác khi vấn đề phức tạp không? Nói cách khác, tác giả có sử dụng một chuỗi lập luận hợp lý để đưa ra kết luận có lô gic không, hay bạn có thể tìm ra các lỗ hổng ở đâu đó trong lập luận của tác giả?
7. Nhận diện **góc nhìn** của tác giả: Tác giả có tỏ ra nhạy cảm với những góc nhìn hoặc hướng lập luận có liên quan khác không? Tác giả có xem xét và phản ứng với những phản bác được hình thành từ những góc nhìn có liên quan khác không?
8. Nhận diện các **hàm ý:** Tác giả có tỏ ra nhạy cảm với những hàm ý và hệ quả mà lập trường của mình đưa đến không?

Phụ lục C

Dành cho Giảng viên

Cách dạy Học sinh, Sinh viên Đánh giá việc Viết

Viết là một công cụ học tập hiệu quả. Tuy nhiên, nhiều giáo viên lại tránh giao bài tập viết để không phải mất quá nhiều công sức cho việc chấm bài. Thực tế là chúng ta có thể xây dựng các lớp học viết chuyên sâu trong tất cả các môn học mà không phải chấm bài quá nhiều. Ta có thể thực hiện việc này bằng những cách sau: (a) yêu cầu sinh viên làm sổ viết tay để duy trì việc viết cho môn học, (b) thường xuyên yêu cầu học sinh mang bài viết đến lớp, (c) sử dụng các hoạt động dưới đây như phương tiện để sinh viên nhận được những phản hồi có chất lượng từ bạn bè, (d) làm mẫu trước lớp kiểu phản hồi mà bạn muốn sinh viên đưa ra (sử dụng hướng dẫn đánh giá lập luận trong Phụ lục B), và (e) đánh giá định kỳ và ngẫu nhiên bài viết trong sổ viết tay của sinh viên. Giảng viên phản hồi hàng ngày trước cả lớp, nhưng chỉ phản hồi định kỳ và có chọn lọc đối với từng sinh viên.

Chiến thuật 1: Bắt đầu bằng việc ôn sơ qua những tiêu chí được sử dụng khi đưa ra phản hồi. Làm việc theo nhóm từ 3 - 4 người, các sinh viên lần lượt đọc bài viết thật to và chậm, rồi thảo luận về những mức độ họ đã hoặc chưa thỏa mãn các tiêu chí đánh giá liên quan đến bài viết. Tất cả các ý kiến góp ý, đề xuất phải mang tính

xây dựng, chỉ rõ cụ thể mỗi bài viết có thể cải thiện ở điểm nào, và cải thiện ra sao.

Chiến thuật 2: Bắt đầu bằng việc ôn sơ qua các tiêu chí được sử dụng khi đưa ra phản hồi. Làm việc theo nhóm 4 người, sinh viên chọn bài viết hay nhất (sử dụng các chuẩn về sự rõ ràng, tính lô gic, v.v.. và bất kỳ tiêu chí cụ thể nào mà bạn đưa ra). Sau đó để các em tham gia cùng nhóm thứ hai và chọn bài viết tốt nhất trong cả hai nhóm (mỗi nhóm một bài viết). Những bài viết này (bài viết được chọn bởi nhóm 8 người) được tập hợp lại và đọc trước cả lớp. Cả lớp thảo luận dưới sự hướng dẫn của bạn, để làm rõ những điểm mạnh và điểm yếu trong các bài viết, và bầu chọn bài viết tốt nhất trong ngày (một lần nữa, dùng các chuẩn trí tuệ rõ ràng để đánh giá).

Chiến thuật 3: Bắt đầu bằng việc ôn sơ qua những tiêu chí được sử dụng khi đưa ra phản hồi. Làm việc theo nhóm từ 3 - 4 người, sinh viên bắt đầu viết ra các góp ý cải thiện cho 3 - 4 bài viết (không thuộc nhóm mình). Tất cả các ý kiến góp ý, đề xuất phải mang tính xây dựng, chỉ rõ cụ thể mỗi bài viết có thể cải thiện ở điểm nào, và cải thiện ra sao. Góp ý được viết ra sẽ được chuyển lại cho người viết, sau khi nhận được phần góp ý, các em sẽ chỉnh sửa lại bài viết của mình cho buổi học sau. Sử dụng phương pháp này, tất cả các sinh viên đều nhận được phản hồi về bài viết của mình từ một "nhóm" phê bình theo hướng dẫn cụ thể.

Chiến thuật 4: Bắt đầu bằng việc ôn sơ qua những tiêu chí được sử dụng khi đưa ra phản hồi. Bài viết của một sinh viên được đọc to, chậm trước lớp trong khi giáo viên hướng dẫn cả lớp thảo luận về các cách cải thiện bài viết. Tất cả các ý kiến góp ý, đề xuất phải mang tính xây dựng, chỉ rõ cụ thể mỗi bài viết có thể cải thiện ở điểm nào, và cải

thiện ra sao. Thảo luận này làm mẫu cho những gì sẽ được thực hiện trong quá trình đánh giá. Sau đó, sinh viên làm việc theo nhóm 2 - 3 người, cố gắng đưa ra những góp ý cải thiện cho các sinh viên trong nhóm (dựa trên mẫu mà giáo viên đã đưa ra).

Bằng những phương pháp trên, sinh viên có thể viết đều đặn để lĩnh hội các kỹ năng và kiến thức được yêu cầu trong môn học, đồng thời học được cách đánh giá và cải thiện việc viết của mình. Giáo viên đóng vai trò làm mẫu, người dẫn dắt và giám sát mà không phải chịu áp lực phải chấm quá nhiều bài viết.

Phụ lục D
Chức năng của các Từ nối

	Chức năng của các Từ nối		
	Liên từ	**Cách dùng**	**Ví dụ**
Nhóm I	Bên cạnh đó Ngoài ra Thêm nữa Chẳng hạn Ví dụ Nói cách khác	Thêm một suy nghĩ, ý kiến	Hai bưu thiếp thường hiệu quả hơn là một lá thư. *Bên cạnh đó,* chúng cũng rẻ hơn.
		Thêm một ví dụ	Anh ta đã mất tự tin trong trò này. *Chẳng hạn,* hôm qua, lúc cuối trận đấu, anh ta đã rất lo lắng.
Nhóm II	Thực tế là Quả thực Trên thực tế Vì vậy Do đó	Để nhấn mạnh hơn nữa một ý kiến	Tuần trước tôi bị ốm, *quả thực*, tôi đã phải nằm bẹp giường đến tận thứ Hai.
		Để nhấn mạnh kết quả xảy ra sau đó	Tổng thống phủ quyết đạo luật đó. *Do đó,* nó không bao giờ trở thành luật.
Nhóm III	Tất nhiên là Hẳn nhiên là Chắc chắn rằng Dù vậy Tuy nhiên Tuy vậy Mặt khác	Đưa ra một ngoại lệ	Anh ta nói anh ta sẽ học cả ngày. Dù vậy, tôi rất ngờ việc đó. Tôi thích vẽ; *tuy vậy,* tôi không hiểu được hội họa hiện đại.
Nhóm IV	Trước hết Tiếp theo Cuối cùng Trong khi đó Về sau Sau đó Cuối cùng Trên hết Nói tóm lại Nói ngắn gọn Tóm lại Kết luận lại	Để sắp xếp các ý tưởng trật tự thời gian hoặc không gian	*Trước hết,* hãy uống chút nước quả. *Sau đó* hãy ăn súp. *Rồi ăn* món khoái khẩu. *Cuối cùng* thì ăn chút bánh và uống chút cà phê.
		Để tóm tắt một số ý tưởng.	Các nhà khoa học nói rằng chúng ta nên ăn những thực phẩm chứa cả protein, mỡ và vitamin mà chúng ta cần. *Nói tóm lại*, họ khuyên chúng ta nên có một chế độ ăn cân bằng.

Cẩm nang

TƯ DUY VIẾT

HOW TO WRITE A PARAGRAPH

RICHARD PAUL - LINDA ELDER

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập : ThS. **NGUYỄN TƯ TƯỜNG MINH**
ThS. **NGUYỄN VĂN SƯỚNG**
CAO BÁ ĐỊNH
Sửa bản in : **CAO THỊ BÍCH THÚY**
Trình bày : **MỘNG LÀNH**
Bìa : **NGUYÊN UYÊN**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 38 225 340 - 38 296 764 - 38 247 225

Fax: 84.8.38 222 726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: **www.nxbhcm.com.vn** - Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. HCM ◆ **ĐT: 38 256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM ◆ **ĐT: 39 433 868**

In số lượng 3.000 cuốn. Khổ 13,5 x 22cm

Tại: Công ty cổ phần in Khuyến học phía Nam

128/7/7 Trần Quốc Thảo, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

XNĐKXB: 43-2015/CXBIPH/24-283/THTPHCM cấp ngày 09/01/2015

QĐXB số: 130/QĐ-THTPHCM-2015 ngày 09/02/2015

ISBN: 978 - 604 - 58 - 3090 - 1

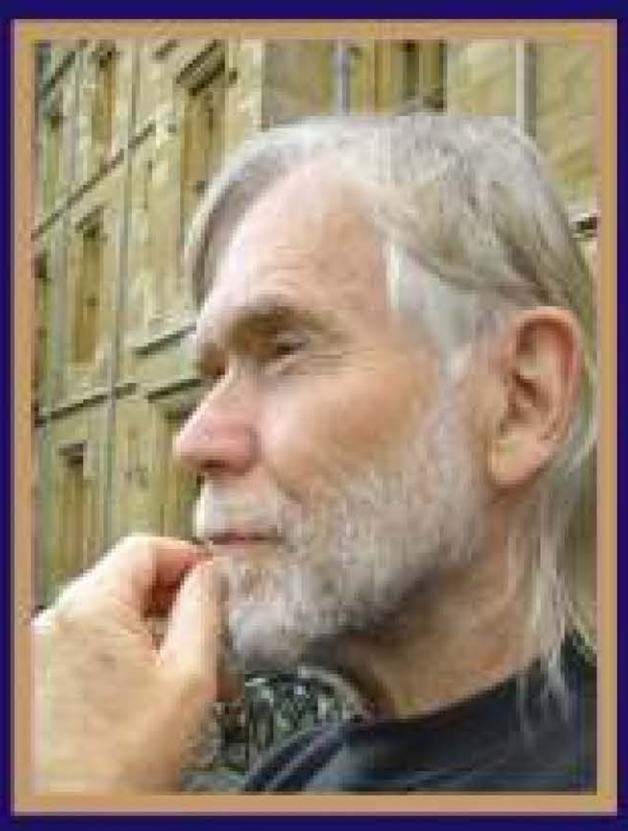
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2015.

THINKER'S GUIDE LIBRARY

Tủ sách Cẩm nang Tư duy



Tiến sĩ Linda Elder là một nhà tâm lý học giáo dục đang dạy tâm lý học và tư duy phản biện ở đại học. Bà là Chủ tịch Quỹ Tư duy Phản biện (Foundation for Critical Thinking) và là Giám đốc Điều hành của Trung tâm Tư duy Phản biện. Tiến sĩ Elder đặc biệt quan tâm mối quan hệ giữa tư tưởng và cảm xúc, nhận thức và tình cảm. Bà đã phát triển một lý thuyết độc đáo về các giai đoạn phát triển của tư duy phản biện. Bà là đồng tác giả của 4 quyển sách về tư duy phản biện cũng như 25 quyển sách cẩm nang tư duy. Bà còn là một nhà thuyết trình năng động, nhiều kinh nghiệm trong các buổi hội thảo về tư duy phản biện.



Tiến sĩ Richard Paul là người lãnh đạo chính của phong trào tư duy phản biện quốc tế. Ông là Giám đốc Nghiên cứu của Trung tâm Tư duy Phản biện, Chủ tịch Hội đồng Quốc gia về sự Ưu việt trong Tư duy Phản biện; là tác giả của hơn 200 bài báo và 7 quyển sách về tư duy phản biện. Tiến sĩ Paul đã tổ chức hàng trăm hội thảo về tư duy phản biện và tham gia vào loạt phim 8 tập về tư duy phản biện cho chương trình PBS. Những quan điểm của ông về tư duy phản biện đã được thảo luận trên *New York Times, Education Week, The Chronicle of Higher Education, American Teacher, Educational Leadership, Newsweek, U.S. News and World Report* và *Reader's Digest*.

CẨM NANG TƯ DUY VIỆT
ISBN 978-6-04-583090-1
9 786045 830901
Giá: 30.000 đ
www.sachweb.vn